

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

ĐẶNG THỊ TÂM

**ĐẶT CÂU HỎI TRONG DẠY HỌC BÀI TẬP ĐỌC
LỚP 5 CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ
TIỂU HỌC NẬM TY, SÔNG MÃ, SƠN LA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ: KHOA HỌC GIÁO DỤC

SƠN LA, NĂM 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

ĐẶNG THỊ TÂM

**ĐẶT CÂU HỎI TRONG DẠY HỌC BÀI TẬP ĐỌC
LỚP 5 CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ
TIỂU HỌC NẬM TY, SÔNG MÃ, SƠN LA**

Chuyên ngành: LL&PPDH Tiểu học

Mã số: 8140110

LUẬN VĂN THẠC SĨ: KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Thị Thanh Hồng

SƠN LA, NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Đặng Thị Tâm

LỜI CẢM ƠN

Hoàn thành luận văn này em xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo Trần Thị Thanh Hồng, người đã hướng dẫn và tận tình giúp đỡ em trong suốt quá trình làm luận văn.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn tới Phòng Khoa học học - trường Đại học Tây Bắc, Ban Chủ nhiệm Khoa Tiểu học - Mầm non, các bạn học viên đã động viên khuyến khích và tạo điều kiện cho em hoàn thành luận văn.

Xin cảm ơn sự giúp đỡ của các thầy cô giáo và các em HS trường Phổ thông dân tộc bán trú, tỉnh Sơn La. Gia đình và những người thân đã giúp đỡ em trong quá trình thực hiện luận văn này.

Xin tất cả nhận ở em lời cảm ơn chân thành nhất.

Sơn La, ngày 10 tháng 10 năm 2017

Người thực hiện

Đặng Thị Tâm

MỤC LỤC

Trang

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

MỞ ĐẦU:.....	1
1. Lí do chọn luận văn:.....	1
2. Lịch sử vấn đề.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:.....	5
5. Giả thiết khoa học của vấn đề nghiên cứu:.....	6
6. Phương pháp nghiên cứu:	7
7. Đóng góp của luận văn:.....	7
8. Cấu trúc của luận văn:.....	8
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	9
1.1. Cơ sở lí luận:.....	9
1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu.....	9
1.1.2. Đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc.....	11
1.1.3. Đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi học sinh tiểu học.....	15
1.1.4. Một số khó khăn của học sinh dân tộc thiểu số khi học tiếng.....	19
1.1.5. Đặc trưng của một số loại văn bản trong chương trình	23
1.2. Cơ sở thực tiễn của luận văn.....	28
1.2.1. Khảo sát thực trạng đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài	32
1.2.2. Đánh giá kết quả khảo sát.....	34
Tiểu kết chương 1:.....	37
CHƯƠNG 2: BIỆN PHÁP ĐẶT CÂU HỎI TRONG DẠY HỌC	39
2.1. Yêu cầu xây dựng các biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học.....	39

2.2. Biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho học	40
2.2.1. Vận dụng các phương pháp tích cực trong dạy học đọc hiểu	40
2.2.2. Biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 theo	47
2.2.2.1 Biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc là văn xuôi	47
2.2.2.2. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản thơ.....	51
2.2.2.3. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản khoa học.....	55
2.2.2.4. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản hành chính.....	59
2.2.2.5. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản thông tin.....	62
Tiểu kết chương 2:.....	63
CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM:.....	65
3.1. Một số vấn đề chung về thực nghiệm :.....	65
3.1.1. Mục đích, nhiệm vụ thực nghiệm:.....	65
3.1.2. Nội dung và tiêu chí thực nghiệm:.....	65
3.1.3. Phương pháp thực nghiệm:.....	66
3.2. Thiết kế và đánh giá kết quả thực nghiệm:.....	67
3.2.1. Phân tích thiết kế thể nghiệm :.....	67
3.2.2. Đánh giá kết quả thực nghiệm:.....	78
Tiểu kết chương 3:.....	83
KẾT LUẬN:.....	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	86
PHỤ LỤC.....	90

**DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT
DÙNG TRONG LUẬN VĂN**

HS:	học sinh
HSDT:	học sinh dân tộc
HSDTTS:	học sinh dân tộc thiểu số
GV:	giáo viên
NL:	Năng lực
Nxb:	Nhà xuất bản
SGK:	sách giáo khoa
SGV:	sách giáo viên
TMD:	tiếng mẹ đẻ
TV:	Tiếng Việt
VD:	ví dụ
Y/C:	yêu cầu

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1: Kết quả điều tra từ GV	35
Bảng 1.2: Kết quả điều tra từ HS	35
Bảng 3.1. : Đối tượng thể nghiệm khối lớp 5	67
Bảng 3.2: Tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực giải nghĩa từ khó của học sinh.....	79
Bảng 3.3: Tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực giải nghĩa từ khó của học sinh.....	79
Bảng 3.4: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực trả lời câu hỏi trong bài Tập đọc: Đất nước – Nguyễn Đình Thi.....	80
Bảng 3.5: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi trong bài Tập đọc : Một vụ đắm tàu.....	81

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Để xã hội tồn tại và phát triển, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc cần phải có một ngôn ngữ để giao tiếp chung. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc thống nhất, với 54 dân tộc là 54 thứ tiếng và nền văn hoá khác nhau. Trong đó tiếng Việt là tiếng phổ thông, được sử dụng làm thứ ngôn ngữ chung trên toàn đất nước. TV là ngôn ngữ chính thống được dạy trong các trường phổ thông.

Chương trình Tiếng Việt (TV) đang áp dụng ở trường tiểu học hiện nay, được xây dựng trên nguyên tắc dạy tiếng Việt cho người học tiếng mẹ đẻ (TMĐ). Những phương pháp dạy tiếng Việt trong chương trình là phương pháp dạy học TMĐ. Học sinh dân tộc (HSDT) ở mọi miền của tổ quốc Việt Nam khi đến trường đều được dạy - học bằng tiếng Việt. Do đó, đối với HSDT việc học tiếng Việt là học ngôn ngữ thứ hai (NN2). Vì vậy, để HSDT tiếp thu tiếng Việt một cách thuận lợi, ngoài việc vận dụng các phương pháp dạy tiếng Việt do chương trình quy định, giáo viên dạy ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi cần sử dụng thêm các phương pháp: trực tiếp, thực hành, sử dụng tiếng mẹ đẻ của HSDT...

Tuy nhiên, dù dạy học bằng phương pháp, hình thức nào đi chăng nữa thì việc dạy TV cho HSDT cũng nhằm hướng tới mục tiêu là hình thành và phát triển kĩ năng sử dụng TV: nghe, nói, đọc, viết để có thể hoạt động và giao tiếp với môi trường xung quanh. Qua đó, bồi dưỡng tình yêu TV và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng và giàu đẹp của TV, góp phần hình thành con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tập đọc, với tư cách là một phân môn của môn TV ở trường tiểu học, ngoài mục tiêu chung còn có mục tiêu riêng đó là: cung cấp cho HSDT những kiến thức tự nhiên xã hội, rèn kĩ năng đọc bao gồm: kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Qua đó, các em không chỉ được thức tỉnh về nhận

thức mà còn rung động tình cảm, nảy nở những ước mơ tốt đẹp, khơi dậy năng lực hành động, sức mạnh sáng tạo cũng như được bồi dưỡng tâm hồn.

Thông qua quá trình đọc hiểu, HS mới lĩnh hội được những kiến thức trong bài đọc, hiểu được nội dung, tư tưởng tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài đọc. Quá trình đọc hiểu được thể hiện rõ nét nhất trong phần tìm hiểu bài của một tiết Tập đọc. Học sinh hiểu được nội dung bài đọc thông qua những câu hỏi gợi ý dẫn dắt của GV. Do đó, mức độ hiểu bài sâu sắc của HS còn phụ thuộc rất nhiều vào những câu hỏi GV đưa ra. Đặc biệt đối với HSĐT thì ý nghĩa của hệ thống câu hỏi còn quan trọng gấp bội lần.

Câu hỏi trong bài Tập đọc thường được đặt ra trên cơ sở gắn với nhân vật, tình tiết, hình ảnh, ngôn ngữ, ý nghĩa... của văn bản đọc. Câu hỏi là cơ sở quan trọng định hướng suy nghĩ, tìm tòi giúp HSĐT có thể dễ dàng tiếp cận bài đọc có hiệu quả hơn. Thông qua hệ thống câu hỏi, GV hướng dẫn HS tiến hành khai thác nội dung của bài đọc. Nhờ có hệ thống câu hỏi, các nội dung của bài được HS tìm hiểu một cách có chủ đích và theo một hệ thống nhất định. Nhờ vậy, mà HS nắm vững bài một cách có ý thức. Qua việc trả lời câu hỏi, mà các kỹ năng về phân tích, tổng hợp của HS được phát triển. Học sinh có điều kiện phát triển kỹ năng nói, kỹ năng diễn đạt trước đám đông về ý tưởng suy nghĩ của bản thân. Đó là những kỹ năng HS cần rèn luyện.

Để HS có thể trả lời được đúng câu hỏi, GV cần phải có hệ thống câu hỏi phù hợp. Những câu hỏi phù hợp là câu hỏi có thể giúp HS tìm hiểu bài một cách thuận lợi, mọi trình độ HS trong lớp có thể trả lời và trả lời đúng các câu hỏi. Do vậy, việc thiết kế hệ thống câu hỏi vừa đảm bảo khai thác được nội dung trọng tâm của bài đọc vừa phù hợp với trình độ HS là một yêu cầu không hề đơn giản. Vậy làm thế nào để đáp ứng được yêu cầu đó? Đây cũng là một trở ngại của không ít giáo viên.

Trên thực tế cho thấy, hiệu quả các giờ dạy nói chung giờ dạy TV nói

riêng đặc biệt là tiết Tập đọc đã được nâng cao. Nhưng bên cạnh đó, còn một số hạn chế như: HS chưa lĩnh hội hết những tri thức, tư tưởng, tình cảm của người khác chứa đựng trong văn bản được đọc, nhất là đối với HSĐT, có điểm xuất phát thấp, môi trường học tiếng Việt còn hạn chế, chịu nhiều ảnh hưởng của TMD trong quá trình học TV... Thì việc hiểu nội dung bài đọc là một vấn đề hết sức khó khăn và gặp rất nhiều thử thách, đặc biệt là HS đầu cấp. Trong khi đó, văn bản đọc trong chương trình TV ở Tiểu học rất đa dạng và phong phú với nhiều thể loại khác nhau như: văn xuôi, thơ, văn bản hành chính, văn bản khoa học, ... Với mỗi phong cách này, lại mang những đặc trưng riêng biệt nên việc đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung văn bản đọc cũng khác nhau.

Vậy làm thế nào để HSĐT hiểu thấu đáo nội dung văn bản được đọc? nhất là làm thế nào để hiểu được "văn"?; làm thế nào để phối hợp đọc thành tiếng và đọc hiểu? ; làm thế nào cho những gì đọc được, tác động vào chính cuộc sống của các em?... đó là những trăn trở của mỗi GV trong giờ tập đọc.

Từ những lí do như trên, tôi mạnh dạn lựa chọn đề tài " Đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho học sinh dân tộc thiểu số Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La " với mong muốn góp thêm tiếng nói vào việc nâng cao hiệu quả đọc hiểu văn bản cho HSĐT Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La.

2. Lịch sử vấn đề

Một trong những nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là tăng cường nâng cao trình độ dân trí của các dân tộc trên mọi miền của tổ quốc. Để khắc phục sự chênh lệch về trình độ giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, Nhà nước đã đưa ra rất nhiều giải pháp, một trong những giải pháp đó là nâng cao hiệu quả dạy học. Việc nâng cao hiệu quả dạy tiếng Việt cho HSĐT cũng không nằm ngoài mục tiêu đó.

Chính vì vậy, hiện nay rất nhiều nhà giáo dục Việt Nam đã tiến hành

nghiên cứu việc đổi mới phương pháp dạy học. Thông qua các công trình đó, nhằm đưa ra những biện pháp tích cực, tiếp thu những thành tựu tiên tiến của nền giáo dục thế giới trên nền tảng phát huy những ưu điểm của phương pháp dạy học truyền thống, nhất là phân môn Tập đọc được đặc biệt quan tâm. Trong đó, có đề cập đến việc đặt câu hỏi, đưa ra hệ thống bài tập giúp HS tìm hiểu nội dung bài đọc.

Trong cuốn "Dạy học Tập đọc ở tiểu học" (Nxb Giáo dục - 2003) của tác giả Lê Phương Nga, đã đề cập một cách chi tiết về cơ sở lí luận và thực tiễn của dạy học Tập đọc, đề ra những phương pháp và hình thức tổ chức dạy học hiệu quả, tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học phân môn Tập đọc. Trong đó nhấn mạnh ý nghĩa của dạy đọc hiểu; lựa chọn các câu hỏi, bài tập phù hợp với mục tiêu bài dạy và đối tượng HS; đề xuất một số công việc cần làm để tổ chức quá trình luyện đọc hiểu cho HS tiểu học và một số bài tập dạy đọc hiểu.

Tài liệu "Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc bậc tiểu học" - (2006), Mông Ký Slay (chủ biên), gồm 5 tiểu môđun được sắp xếp theo từng vấn đề liên quan đến phương pháp dạy TV cho HSĐT: một số phương pháp chung, dạy âm vần TV, dạy nghe nói TV, dạy đọc, dạy viết TV cho HSĐT. Trong phần dạy đọc, có đề cập đến vấn đề đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc.

Tài liệu "Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học" - (tài liệu bồi dưỡng GV - 2006) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự án phát triển GV tiểu học đã đưa ra các nội dung đánh giá kết quả học tập ở tiểu học và các kĩ thuật đánh giá: kiểm tra tự luận, kiểm tra miệng, trắc nghiệm khách quan...

Thực hiện luận văn này, chúng tôi đã tham khảo các công trình nghiên cứu trên để làm căn cứ trình bày những lí luận và hiểu biết của mình về vấn đề "*Đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho học sinh dân tộc thiểu số Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La*", với mong muốn góp thêm tiếng nói tìm biện pháp đặt câu hỏi theo hướng phát huy

năng lực của người học, nhằm nâng cao kết quả học tập môn Tiếng Việt cho HS vùng dân tộc thiểu số.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng dạy học đọc hiểu bài Tập đọc, luận văn nhằm đề xuất một số biện pháp đặt câu hỏi theo hướng phát huy năng lực của người học trong dạy học bài tập đọc lớp 5 cho HSĐTTS tại trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ mà đề tài hướng tới là:

- Tìm hiểu cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của việc đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc.
- Đề xuất các biện pháp, các cách đặt câu hỏi nhằm giúp HSĐT tích cực suy nghĩ trả lời và tiếp thu nội dung bài đọc một cách sâu sắc nhất.
- Tiến hành thiết kế giáo án và thực nghiệm dạy học ở lớp 5 Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

Luận văn tập trung nghiên cứu biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho học sinh dân tộc thiểu số tại Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La.

Ngoài ra các cơ sở lý thuyết từ các tài liệu tham khảo, chương trình SGK Tiếng Việt 5,... và các tiết dạy - học tập đọc (dự giờ) cũng là đối tượng nghiên cứu của luận văn.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

a. Nghiên cứu cơ sở lý luận

- Nghiên cứu một số cơ sở lí luận của việc dạy học đọc hiểu văn bản;

- Nghiên cứu biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài tập đọc theo định hướng phát triển năng lực (NL) người học ở trường tiểu học.

b. Nghiên cứu thực trạng

Khảo sát thực trạng về cách đặt câu hỏi tìm hiểu bài Tập đọc lớp 5 trong quá trình dạy học cho HSĐT ở Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

c. Nghiên cứu thể nghiệm

- Đề xuất một số biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài tập đọc theo định hướng phát triển NL người học ở trường tiểu học.

- Thiết kế giáo án và dạy thể nghiệm sư phạm.

d. Địa bàn nghiên cứu: Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

e. Khách thể nghiên cứu

- Khảo sát thực trạng: lớp 5; Mẫu nghiên cứu là 60 học sinh/ 2 lớp;

- Khảo sát thực nghiệm:

+ Lớp thực nghiệm (TN) lớp 5A; Mẫu nghiên cứu là 30 học sinh

+ Lớp đối chứng (ĐC) lớp 5B; Mẫu nghiên cứu là 30 học sinh

- Khảo sát giáo viên: 07 giáo viên.

5. Giả thiết khoa học

Câu hỏi là một phương tiện quan trọng để giáo viên và học sinh khám phá và chiếm lĩnh tri thức dựa trên sự phát triển năng lực của người học. Chúng tôi giả định rằng, hiện nay việc đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc trong quá trình dạy học cho HSĐT lớp 5 ở Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La chưa tốt, còn gặp nhiều khó khăn, nếu các biện pháp trong đề tài chứng minh được tính khả thi thì sẽ góp phần khắc phục những khó khăn và bồi dưỡng kỹ năng đọc hiểu các văn bản đọc trong chương trình phân môn Tập đọc cho học sinh nói chung và học sinh lớp 5 nói riêng.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu các văn bản, tài liệu có liên quan đến đề tài để rút ra những kết luận cần thiết:

Nhóm các phương pháp nghiên cứu lí luận: phương pháp đọc hiểu, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp hoá các tài liệu liên quan làm cơ sở lí luận cho luận văn; thu thập tài liệu liên quan, truy cập internet (trang báo điện tử) nhằm tìm hiểu, tổng hợp một số vấn đề cơ sở lý luận có liên quan tới đề tài.

Sử dụng phối hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa trong nghiên cứu các nguồn tài liệu lý luận và thực tiễn có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để phục vụ trực tiếp cho việc giải quyết các nhiệm vụ của đề tài.

6.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

6.2.1. Phương pháp khảo sát

- Khảo sát thực trạng và thể nghiệm
- Phương pháp trò chuyện
- Phương pháp quan sát.

6.2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Xây dựng bài tập, lập phiếu khảo sát đối tượng nhằm tìm hiểu thực trạng; Quan sát các hoạt động dạy – học đọc hiểu văn bản của GV và HS.

Thống kê, phân loại: thống kê kết quả khảo sát và kết quả thực nghiệm.

6.2.3. Phương pháp phân tích: so sánh, tổng hợp kết quả nghiên cứu.

7. Đóng góp của luận văn

Luận văn được nghiệm thu sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho GV tiểu học trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là những GV đang dạy học cho đối tượng HS là HSĐT tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi. Đồng thời, cũng là

tài liệu cho sinh viên Khoa Tiểu học - Mầm non trong quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Nếu được ứng dụng trong thực tế, luận văn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đọc hiểu văn bản của HSĐT khi học TV theo chương trình mới cải cách, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, khắc phục sự chênh lệch về trình độ giữa các dân tộc trên đất nước ta.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, mẫu phiếu điều tra, phần nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học của luận văn

Chương 2: Biện pháp đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc lớp 5 cho HS dân tộc thiểu số

Chương 3: Thử nghiệm sư phạm

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lí luận của luận văn

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Khái niệm đọc

Theo tác giả Lê Phương Nga (chủ biên), trong Giáo trình *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học* cho rằng: đọc được xem như là một hoạt động có hai mặt quan hệ mật thiết với nhau, là việc sử dụng một bộ mã gồm hai phương diện. Một mặt, đó là quá trình vận động của mắt, sử dụng bộ mã chữ - âm để phát ra một cách trung thành những dòng văn tự ghi lại lời nói âm thanh. Mặt khác, đó là sự vận động của tư tưởng, các khái niệm chứa bên trong, để nhớ và hiểu cho được nội dung được đọc. Chính vì vậy, có nhiều khái niệm về đọc, tuy nhiên chúng ta xem xét đọc theo nghĩa sau:

“Đọc là một dạng hoạt động ngôn ngữ, là quá trình chuyển dạng thức chữ viết sang lời nói có âm thanh và thông hiểu nó (ứng với các hình thức đọc thành tiếng), là quá trình chuyển trực tiếp từ hình thức chữ viết thành các đơn vị nghĩa không có âm thanh (ứng với đọc thầm).” (M.R. Lovôp – Cẩm nang dạy học tiếng Nga (tiếng Nga) [27, tr.7] (dẫn theo Lê Phương Nga).

Khái niệm này thể hiện một quan niệm đầy đủ về đọc, xem đó là một quá trình giải mã hai bậc: chữ viết thành âm thanh và chữ viết thành nghĩa. Như vậy, đọc không chỉ là "đánh vần", phát âm thành tiếng theo đúng các kí hiệu chữ viết, cũng không chỉ là quá trình nhận thức để có khả năng thông hiểu những gì được đọc. Đọc chính là một sự tổng hợp của cả hai quá trình này.

1.1.1.2. Đọc hiểu

Đọc hiểu (trong đọc văn): "...là hoạt động đọc được diễn ra đồng thời với quá trình nắm bắt thông tin, đọc trong nhận thức để có khả năng thông hiểu những gì được đọc, để lĩnh hội đích tác động của văn bản. Kết quả của

đọc hiểu là người đọc phải lĩnh hội được thông tin, hiểu nghĩa của từ, cụm từ, câu đoạn, bài, văn bản..." [26, tr. 7]

Hoạt động đọc hiểu văn bản gắn liền với các hoạt động tư duy như: phân tích, phân loại, tổng hợp, khái quát, trừu tượng hoá... Do đó, rèn luyện cho HS đọc hiểu văn bản chủ yếu là rèn cho học sinh các phẩm chất tư duy.

1.1.1.3. Khái niệm dạy học Tập đọc

Tập đọc là một phân môn thực hành, nhiệm vụ quan trọng nhất của nó là hình thành năng lực đọc cho HS. Xuất phát từ đó mà ta nhận thấy: “Dạy học Tập đọc là quá trình tác động qua lại giữa hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò, qua đó các em rèn luyện được bốn kỹ năng cơ bản: đọc đúng, đọc nhanh (đọc lưu loát, trôi chảy), đọc có ý thức (thông hiểu được nội dung mình đọc hay còn gọi là đọc hiểu) và đọc diễn cảm.” [27, tr. 139]. Bên cạnh đó, dạy học Tập đọc sẽ giáo dục lòng ham đọc sách, hình thành phương pháp và thói quen làm việc với văn bản, với sách cho HS, tạo cho các em một cuộc sống trí tuệ đầy đủ và phát triển.

Ngoài ra, việc dạy học Tập đọc gắn với nội dung văn bản nên nó có vai trò làm giàu kiến thức về ngôn ngữ, đời sống và kiến thức văn học cho các em, phát triển tư duy cho các em, giáo dục tư tưởng, đạo đức, tình cảm và thi hiếu thẩm mỹ cho các em một cách có hiệu quả.

1.1.1.4. Khái niệm văn bản

Có nhiều khái niệm khác nhau về văn bản, nhưng xét trong khuôn khổ chung của văn bản dành cho trường tiểu học, ta có thể hiểu như sau:

"Văn bản là một sản phẩm của lời nói, một chỉnh thể ngôn ngữ, thường bao gồm một tập hợp các câu và có thể có một câu đề, nhất quán về chủ đề và chọn vẹn về nội dung, được tổ chức theo một kết cấu chặt chẽ nhằm một mục đích giao tiếp nhất định." [27, tr. 183]

Văn bản có tính chỉnh thể. Tính chỉnh thể được thể hiện ở hai phương diện:

+ Về mặt nội dung, nó biểu hiện tính nhất quán về chủ đề, ở sự phát triển mạch lạc, chặt chẽ của nội dung và bộc lộ ở tính nhất quán và rõ rệt ở mục tiêu văn bản.

+ Về mặt hình thức, tính chỉnh thể thể hiện ở kết cấu mạch lạc và chặt chẽ, giữa các bộ phận trong văn bản có các hình thức liên kết và toàn văn bản có một tên gọi.

1.1.2. Đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc

1.1.2.1. Tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc

Trong dạy học Tập đọc hệ thống câu hỏi vô cùng quan trọng. Câu hỏi định hướng sự suy nghĩ, tìm tòi, khám phá nội dung văn bản, giúp HSĐT dễ dàng tiếp cận bài đọc có kết quả hơn. Khi đọc văn bản mỗi HS sẽ có những suy nghĩ và cảm nhận khác nhau nên nhờ có hệ thống câu hỏi mà suy nghĩ của các em được định hướng theo nội dung chính của bài đọc.

Thông qua hệ thống câu hỏi, GV hướng dẫn HS tiến hành khai thác nội dung của bài đọc có trọng tâm và hệ thống. Học sinh khám phá nội dung văn bản từ dễ đến khó, từ những chi tiết, hình ảnh, sự kiện đơn giản để từ đó có thể rút ra ý nghĩa, bài học hay nội dung chính của bài đọc. Thông qua hệ thống câu hỏi, GV giúp HS nắm vững nội dung bài một cách có ý thức. Học sinh muốn hiểu được nội dung chính hay ý nghĩa của bài cần phải trả lời được các câu hỏi ở phần tìm hiểu bài.

Qua việc trả lời câu hỏi, các kỹ năng về phân tích, tổng hợp của HS được phát triển. Vì HS phải dựa vào câu trả lời của các câu hỏi gợi mở để rút ra nội dung chính hoặc ý nghĩa của bài chính vì vậy mà các kỹ năng phân tích tổng hợp được rèn luyện và phát triển. Qua việc trả lời câu hỏi, HS có điều kiện phát triển kỹ năng nói, là một trong các kỹ năng cần rèn luyện. HSĐT vốn rất rụt rè và hạn chế khả năng nói chính vì thế mà việc trả lời câu hỏi sẽ giúp các em được rèn luyện kỹ năng nói trước đám đông, đồng thời đây cũng là cơ

hội cho các em tập nói tiếng việt thành thạo. Giúp HS tự giải quyết một cách chủ động, tích cực. Khi nghe câu hỏi HS sẽ phải chủ động suy nghĩ tích cực mới tìm ra câu trả lời. Từ đó năng lực tự giải quyết vấn đề của HS cũng được rèn luyện, khắc phục được tình trạng dạy học một chiều. Trong tiết học GV đưa ra hệ thống câu hỏi để HS trả lời phản hồi lại qua đó GV biết được HS có hiểu bài hay không từ đó có những phương pháp phù hợp giúp HS nắm được nội dung bài học có hiệu quả nhất.

1.1.2.2. Yêu cầu đối với câu hỏi

Để HS có thể trả lời và tìm hiểu bài một cách thuận lợi, GV cần phải có hệ thống câu hỏi phù hợp; cần có những câu hỏi giúp các em trả lời theo sự hiểu biết của cá nhân HS. Để câu hỏi phù hợp hơn với HSĐT, GV có thể tự đặt câu hỏi hoặc điều chỉnh câu hỏi trong SGK. Câu hỏi phải tạo ra hứng thú học tập, tạo được sự tự tin để kích thích tinh thần tích cực học tập của HS. Câu hỏi GV đưa ra không được quá khó HS sẽ không trả lời được, cũng không được quá dễ đối với HS vì sẽ không kích thích hứng thú, sự sáng tạo của HS. Câu hỏi phải vừa sức với khả năng của HS.

Câu hỏi phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu để HS nắm bắt nhanh vấn đề có thể suy nghĩ và trả lời. Khi đặt câu hỏi, GV không nên đưa ra những câu hỏi quá dài HS sẽ khó nắm bắt được nội dung câu hỏi. Tránh đưa ra những câu hỏi trừu tượng khó hiểu HS sẽ cảm thấy chán nản dẫn đến hiệu quả giờ dạy không cao. Câu hỏi phải phù hợp với mỗi văn bản để HS dễ trả lời vì mỗi loại văn bản có những đặc trưng riêng... như truyện vui, văn bản nhật dụng, thông tin báo chí... đều rất xa lạ với HSĐT. Câu hỏi phải đảm bảo có đủ tri thức, gắn với nội dung cơ bản của văn bản đọc trên cơ sở đó HS có thể tự giải quyết được vấn đề. GV không nên đặt những câu hỏi không nằm trong nội dung bài đọc.

Khi sử dụng câu hỏi rèn luyện kỹ năng tự học cho HS, GV phải cần chú ý kiểm tra, đánh giá mức độ đọc hiểu của HS. Đồng thời câu hỏi phải đa dạng

về cách hỏi, chống sự nhàm chán, giúp học sinh suy nghĩ theo nhiều cách mới lạ... tích cực.

1.1.2.3. Phân loại câu hỏi trong dạy học đọc hiểu văn bản Tập đọc

Các loại câu hỏi khác nhau giúp hình thành các kiểu tư duy khác nhau. Vì vậy để đưa ra phương pháp đặt câu hỏi có hiệu quả thì phải xác định nội dung của vấn đề học tập, lựa chọn từ hỏi thích hợp, xây dựng các loại câu hỏi khác nhau:

a. Câu hỏi tư luận

Giờ học đọc thường chỉ có một tiết, nhưng việc phân tích nội dung bài đọc cần đạt đến trình độ làm cho HS hiểu ý nghĩa của hình tượng và tác phẩm. Muốn thế, thì một trong những điều quan trọng cần chú ý là hệ thống câu hỏi gợi ý, hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà được in trong SGK sau mỗi bài đọc sẽ không chỉ là câu hỏi dành cho học tiếng, mà phải có những câu hỏi cho học văn. Những câu hỏi này phải đề cập đến nội dung cơ bản của bài đọc, phải có những câu hỏi "chìa khoá" kích thích HS tò mò, hứng thú suy nghĩ về tác phẩm. Có thể chia những câu hỏi này thành những loại như sau:

Câu hỏi nhắc lại nội dung ,chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng. VD: câu hỏi "Chuyện xảy ra vào thời điểm nào?" trong bài Lời hứa - TV5 tập một, sẽ làm HS nhớ lại tình huống "ngoài phố lác đác lên đèn" nên tác giả (nhân vật tôi) không thể tiếp tục đọc sách trong công viên phải trở về mới nghe được tiếng khóc của em bé sợ cô đơn, đêm tối mà không thể bỏ gác, bỏ lời hứa

Câu hỏi gợi liên tưởng, tưởng tượng. VD, câu hỏi: "Đọc phần đầu của bài văn và đoán tác giả đứng ở đâu để quan sát và tả cảnh thác?" trong bài Thác Y a li - TV 5, tập 1, sẽ kích thích trí tưởng tượng sáng tạo của HS. Giúp các em có cái nhìn bao quát bức tranh toàn cảnh của thác nước. Để sau đó thấy nghệ thuật tả từ xa tới gần của tác giả: từ cái nhìn trong một không gian

rộng và xa để thấy cả dòng Bô Cô, dãy núi Chư Pa, hồ nước rộng mênh mông nằm trên núi, đến tả cận cảnh hơn: hồ nước tạo nên thác và đặc tả thác.

Câu hỏi về ý nghĩa của hình tượng và tác phẩm. Loại câu hỏi này giúp HS hiểu được chiều sâu của văn bản. VD, câu hỏi: "Câu chuyện ca ngợi điều gì?" trong bài Chuỗi ngọc lam – TV5 tập một.

Câu hỏi đánh giá nhân vật, thái độ, tư tưởng, tình cảm của tác giả. VD: "Hành động nhường bạn xuống xuống cứu nạn nói nên điều gì về cậu bé?" (Một vụ đắm tàu - TV5 tập hai).

Câu hỏi bộc lộ cảm xúc, ý nghĩ của HS với nhân vật và tác phẩm. VD: "Em có cảm nghĩ gì về hai nhân vật chính trong truyện?" (Một vụ đắm tàu - TV5 tập hai).

Câu hỏi yêu cầu HS xác định kĩ thuật đọc tác phẩm (giọng đọc của bài, của đoạn, nhịp điệu, ngắt giọng,...), có cả yêu cầu HS học thuộc lòng văn bản (nếu cần).

Các câu hỏi in sau mỗi bài đọc này, sẽ được chi tiết hoá trong giờ học thành những thao tác, kĩ thuật cụ thể hơn. Những thao tác, kĩ thuật này sẽ giúp HS học phân tích, cảm thụ nhiều tác phẩm văn. Và như thế, có thể thấy tính hệ thống, tính phát triển của những câu hỏi học văn từ lớp 1 đến lớp 5.

b. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn: yêu cầu HS viết câu trả lời cho câu hỏi hoặc điền thêm vào câu phát biểu chưa hoàn chỉnh bằng một từ hay cụm từ, một kí hiệu, một công thức, một con số. Ưu điểm của loại câu hỏi này là dễ xây dựng, người học không thể đoán mò vì HS phải đưa ra câu trả lời khi làm trắc nghiệm. Tuy nhiên, loại câu hỏi này thường dùng để kiểm tra ở mức độ biết, hiểu đơn giản ; đôi khi khó đánh giá nội dung câu trả lời khi HS viết sai chính tả hoặc câu trắc nghiệm gợi ra nhiều phương án đúng.

Câu trắc nghiệm đúng sai: yêu cầu: chọn một trong hai phương án trả

lời. Ưu điểm của loại câu hỏi này là dễ xây dựng, có thể ra nhiều câu một lúc vì tốn ít thời gian cho mỗi câu. Tuy nhiên, loại câu hỏi này chủ yếu là thường dùng để kiểm tra ở mức độ biết và hiểu đơn giản, tỉ lệ đoán mò 50%.

Câu trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi: gồm 2 phần: phần thông tin ở bảng truy và phần thông tin ở bảng chọn, hai phần này thường được thiết kế thành hai cột. Yêu cầu HS lựa chọn yếu tố tương đương hoặc có sự tương đương của mỗi cặp thông tin ở bảng truy và bảng chọn. Ưu điểm của loại câu hỏi này là dễ xây dựng, có thể hạn chế sự đoán mò bằng cách làm cho số lượng thông tin ở bảng chọn nhiều hơn ở bảng truy. Tuy nhiên, loại câu hỏi này chủ yếu kiểm tra khả năng nhận biết, thông tin có tính dàn trải, không nhấn mạnh những điều quan trọng hơn.

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn: gồm 2 phần: phần nêu vấn đề dưới dạng một câu hỏi hoặc câu chưa hoàn chỉnh và phần phương án lựa chọn. Loại câu hỏi này yêu cầu HS chọn một phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất trong số các phương án cho sẵn, có ưu điểm là đo được nhiều mức độ: hiểu, biết, vận dụng của HS, có thể biết được khả năng của người làm bài qua phản ứng của họ đối với các phương án nhiễu, khả năng đoán mò thấp hơn trắc nghiệm đúng sai, tránh được yếu tố mơ hồ như trong câu trắc nghiệm trả lời ngắn... Tuy nhiên loại câu hỏi này khó biên soạn các câu hỏi để đánh giá các kĩ năng nhận thức bậc cao, khó xây dựng được các câu hỏi chất lượng có những phương án nhiễu phân biệt với phương án đúng.

1.1.3. Đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi học sinh tiểu học

Hoạt động đọc có mối quan hệ chặt chẽ với Tâm lí học, đặc biệt là tâm lí học lứa tuổi. Theo Lê Phương Nga: cơ chế của hoạt động đọc được xem là một hoạt động có hai mặt quan hệ mật thiết với nhau, là việc sử dụng một bộ mã gồm hai phương diện: một là quá trình vận động của mắt, sử dụng bộ mã chữ - âm để phát ra một cách trung thành những dòng văn tự ghi lại lời nói âm

thanh. Hai là quá trình vận động của tư tưởng, tình cảm, sử dụng bộ mã chữ - nghĩa, tức là mối liên hệ giữa các con chữ và ý tưởng, các khái niệm chứa đựng bên trong để nhớ và hiểu cho được nội dung những gì được đọc. Khi đọc thành âm thanh có các hình thức: đọc rõ thành tiếng và đọc hoàn toàn bằng mắt (đọc thầm). Rèn luyện cho HS đọc thành tiếng chủ yếu là rèn cho HS đọc đúng, đọc diễn cảm, và dù là đọc thành tiếng hay đọc thầm thì hoạt động đọc vẫn phải gồm hai hoạt động: thu nhận thông tin bằng mắt và phát lại thông tin (có thể chỉ là phát lại âm thanh trong não người đọc khi đọc thầm mà người bên ngoài không nghe được). Đọc để hiểu nội dung văn bản thể hiện qua nhiều cấp độ: hiểu nghĩa của từ ngữ, của câu văn, của đoạn văn hoặc cả bài. Hoạt động đọc hiểu văn bản gắn liền với các hoạt động tư duy như: phân tích, hệ thống hoá, phân loại, tổng hợp, khái quát, trừu tượng hoá... Do đó, rèn luyện cho học sinh đọc hiểu chủ yếu là rèn cho học sinh các phẩm chất tư duy.

Trong quá trình dạy đọc cho HS, nếu không hiểu bản chất của “đọc” và không có kiến thức về quá trình tâm lí ở người nói chung và ở trẻ em lứa tuổi tiểu học nói riêng thì không thể giảng dạy tốt và phát triển ngôn ngữ cho HS. Sở dĩ như vậy là vì: trong quá trình dạy học ở tiểu học, HS ở lứa tuổi này (thường là từ 6 đến 14 tuổi) được coi là đối tượng trung tâm của hoạt động học, tự giác, tích cực và chủ động tiếp thu tri thức thông qua những tác động của GV và nhận thức của bản thân, biến những tri thức thu nhận được thành hệ thống giá trị chuẩn mực mang đặc điểm và bản chất của cá nhân. Học sinh vừa là đối tượng của hoạt động dạy học, vừa là chủ thể của quá trình nhận thức, chủ thể tự giáo dục có tính tự giác, tích cực và chủ động tổ chức quá trình học tập của bản thân. Trong bất kì hoàn cảnh và điều kiện nào, thì hiệu quả của quá trình giáo dục cao hay thấp là do tự nhận thức của cá nhân chủ thể trực tiếp quyết định trên cơ sở tác động tích cực của các yếu tố khách quan. Giáo viên là quan trọng hàng đầu, nhưng chưa đủ để trực tiếp quyết

định chất lượng - hiệu quả của việc dạy học, mà cần phải đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lí HS lứa tuổi này.

Khi đến trường tiểu học, đây là một bước ngoặt quan trọng trong đời sống của trẻ. Từ đây, hoạt động chủ đạo của trẻ - hoạt động vui chơi ở giai đoạn mẫu giáo đã chuyển sang loại hoạt động mới là hoạt động học tập với đầy đủ ý nghĩa của nó. Sự chuyển đổi hoạt động chủ đạo như vậy, có tác động không nhỏ đến tâm sinh lí của trẻ. Do đó, việc lựa chọn nội dung, hình thức của các bài tập đọc trong chương trình Tiếng Việt cũng chịu sự chi phối căn bản.

Ở giai đoạn HS tiểu học, các cơ quan của cơ thể phát triển chưa hoàn thiện, khả năng tri giác - giải mã các đơn vị ngôn ngữ chữ viết thành âm thanh còn chậm, dẫn đến tình trạng các em đọc ấp úng, ê a, không tròn vành rõ tiếng, có khi còn dẫn đến việc đọc sai nghĩa nội dung văn bản do ngắt nghỉ không đúng chỗ, dẫn đến việc các em hay mắc các lỗi: lỗi phát âm (phát âm sai phụ âm đầu, sai phần vần, sai dấu thanh...), lỗi diễn đạt (lỗi dùng câu, từ, lỗi ngắt nghỉ,...).

Hệ thần kinh chưa ổn định cũng một phần tác động đến quá trình đọc của HS. Các em dễ bị xúc động, đặc biệt là hay bị chi phối của điều kiện ngoại cảnh, sự vật, sự việc bên ngoài tác động đến sự chú ý của các em. Chẳng hạn, khi đang học mà có một đối tượng khác đột nhiên tác động vào các em (người đi lại, cây cối, con vật...) dẫn đến việc các em dễ dàng mải mê ý, theo dõi, quan tâm đến những vật đó mà quên đi việc học.

Chúng ta cũng thấy rằng, tư duy của HS tiểu học là tư duy cụ thể, mang tính hình thức, bằng cách dựa vào những đặc điểm trực quan của đối tượng và hiện tượng cụ thể. Những gì cụ thể (vật thật, tranh ảnh, mô hình,...) thì trẻ dễ nhận biết bằng mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, tay sờ, miệng nếm hơn là những gì trừu tượng, khái quát. Vì vậy, khả năng phân biệt đối tượng của các em chưa chính xác và chưa rõ ràng. Do ảnh hưởng này, mà quá trình học phân

môn Tập đọc của các em gặp không ít khó khăn, các em khó có thể đọc nhanh, đọc hiểu văn bản, nhất là những văn bản tự thuật dài, ngôn ngữ logic...

Ở lứa tuổi HS tiểu học, đặc điểm về tri giác, chú ý, trí nhớ, tưởng tượng của HS đã phát triển nhưng chưa cao.

Tri giác của các em thường mang tính bao quát, tri giác về thời gian và không gian còn hạn chế.

Sự chú ý không chủ định chiếm ưu thế, chú ý chủ định còn yếu nên các em rất khó tập trung, khó hứng thú với các thể loại văn bản dài. Tuy nhiên, yếu tố này dần thay đổi theo sự nâng cấp của các lớp (từ lớp 1 đến lớp 5).

Trí nhớ và sức tưởng tượng của các em không cao. Do vậy, khả năng tiếp nhận các văn bản có dung lượng lớn còn gặp nhiều hạn chế. Các em chỉ có thể liên tưởng được những nội dung cụ thể, sát thực và chủ yếu là ghi nhớ máy móc, chưa có sáng tạo.

Một thực tế chứng minh cho điều này, đó là việc một số em nhớ nội dung bài học, văn bản theo tranh minh hoạ kèm theo bài mà không hề nhớ gì đến nội dung văn bản bài đọc.

Tuy nhiên, cũng phải chú ý rằng trên cơ sở ý thức đã hình thành, khả năng tư duy bằng tín hiệu của các em cũng khá phát triển. Đây chính là cơ sở để các em lĩnh hội chữ viết, là những tín hiệu thay thế ngữ âm. Ở độ tuổi mẫu giáo tư duy về cơ bản mang tính trực quan hình động. Đứa bé phân tích và tổng hợp đối tượng cần nhận thức trong quá trình nó dùng tay tách ra, chia cắt rồi ghép lại những sự vật khác nhau mà nó tri giác được trong lúc đó. Sau đó, Những khảo cứu chuyên biệt và khảo nghiệm đã chỉ rõ từ khi bước vào lớp Một các em đã sẵn sàng tri giác các ngữ âm tách biệt, đã sẵn sàng thể hiện các hoạt động tư duy phân tích, tổng hợp.

Chính những đặc điểm đó, kết hợp với đặc trưng của tiếng Việt là loại hình ngôn ngữ đơn lập, có nhiều thanh điệu. Vì thế, trong chuỗi lời nói ranh

giới giữa các âm tiết được thể hiện rõ ràng, các âm tiết không bị nối dính vào nhau như ngôn ngữ biến hình. Điều đó cho thấy, trong quá trình dạy học nếu được chú ý xem xét các loại văn bản Tập đọc theo sự phát triển ngôn ngữ tư duy của các em, sẽ có tác dụng tích cực nhằm nâng cao khả năng tiếp nhận ngôn ngữ và giao tiếp ở các em.

Từ những cơ sở tâm sinh lí trên, khiến cho quá trình dạy Tập đọc có nhiệm vụ từng bước nâng cao hiệu quả dạy học theo sự phát triển tâm lí của các em. Trong quá trình dạy học, người GV cần đặc biệt chú ý đề xuất những biện pháp dạy học tích cực nhằm đạt đến kết quả dạy học tốt nhất.

1.1.4. Một số khó khăn của học sinh dân tộc thiểu số khi học tiếng Việt

1.1.4.1. Điểm khác biệt giữa học sinh người Kinh và học sinh dân tộc thiểu số khi học tiếng Việt

Khi đến trường học, HS dân tộc Kinh đã có vốn từ TV đủ để giao tiếp, học tập và tìm hiểu thế giới xung quanh. Với các em học tiếng Việt là học tiếng mẹ đẻ nên gặp nhiều thuận lợi trong quá trình học tập. ngoài ra các em còn có không gian, thời gian và cơ hội sử dụng TV với nhiều người và nhiều mục đích khác nhau trong cuộc sống ngoài nhà trường. Những lĩnh vực được tiếp cận tiếng Việt khi đối thoại rất đa dạng và phong phú. Đây là điều kiện để phát triển lời nói và làm giàu vốn từ tiếng Việt cho HS thuận lợi, nhanh chóng. HSĐT thì hầu như không thể có được số lượng và mật độ các cuộc giao tiếp bằng TV nhiều như HS dân tộc Kinh.

HSĐT nhất là các em ở vùng xa, trước khi đi học vốn từ tiếng Việt của các em rất hạn chế, các em mới chỉ nắm vững TMD và phát triển nhận thức bằng TMD chứ không phải bằng TV. Với các em học tiếng Việt là học ngôn ngữ thứ 2 nên gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình học tập. Hơn thế nữa, không gian, thời gian học tiếng Việt của HSĐT cũng bó hẹp hơn, các em chỉ

giao tiếp bằng tiếng Việt khi đến trường, còn về nhà các em chủ yếu sử dụng TMD giao tiếp với người thân trong gia đình và cộng đồng. Ở trường học, HSĐT chỉ được tiếp xúc duy nhất với thầy, cô giáo - những người nắm vững TV. Tuy nhiên, do số HS trong lớp đông mà lại chỉ có một GV nên cơ hội giao tiếp bằng TV giữa HSĐT và GV bị hạn chế. Nội dung các vấn đề được đề cập trong các cuộc giao tiếp chủ yếu chỉ liên quan đến bài học, trong khi các vấn đề của đời sống ngôn ngữ lại luôn sôi động và đa dạng.

Về môi trường học tiếng được Tôn Thị Tâm so sánh như sau: [7, tr.17]

	Môi trường học TMD	Môi trường học NN2
Thời gian	<ul style="list-style-type: none"> - Có môi trường học tiếng từ tuổi sơ sinh đến 5, 6 tuổi (trước tuổi đi học). - Kéo dài suốt cuộc đời trong mọi hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hầu như không có môi trường học NN2 ở thời kì trước tuổi đi học. - Bó hẹp trong thời gian học trên lớp, ở trường và một số hoạt động ngoài giờ học.
Không gian	Không gian mở rộng: <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường nhà trường. - Môi trường gia đình. - Môi trường làng bản, xã hội. 	Không gian bó hẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Lớp học, trường học, một số hoạt động với không gian hạn chế.

Qua bảng trên chúng ta thấy, môi trường học tiếng Việt của HSĐT bị hạn chế rất nhiều, đó là:

- Thiếu sự tác động của môi trường tiếng Việt tự nhiên hàng ngày, đặc biệt thời kì trước tuổi học. Tức là, TV chưa được "thấm" vào các em hằng ngày để tạo nên nền tảng ban đầu.
- Không có nhiều cơ hội để thực hành sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

Do vậy, việc học TV đối với HSĐT gặp rất nhiều khó khăn. Để bổ sung, khắc phục những thiếu hụt nêu trên, việc tạo môi trường học TV cho HSĐT là hết sức cần thiết.

Quá trình học TV của HS DTT luôn chịu ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ. Thực tế dạy học tiếng Việt cho HSĐT cho thấy, những yếu tố giống nhau giữa TV và TMĐ sẽ tạo điều kiện thuận lợi, còn những yếu tố khác nhau lại cản trở gây khó khăn cho HSĐT khi học TV. Đó cũng là nguyên nhân khiến HSĐT mắc các lỗi sử dụng TV như: lỗi phát âm, lỗi dùng từ, lỗi sử dụng câu...

VD: HSĐT Thái hay bị lẫn khi phát âm những phụ âm đầu do ảnh hưởng từ TMĐ, như: phụ âm *v - b, l - đ ...*, lỗi về dấu thanh như thanh ngã với thanh sắc, lỗi về cách xưng hô trong giao tiếp...

Từ những sự khác biệt trên đã gây nên tâm lý rụt rè, e sợ khi giao tiếp của HSĐT dẫn tới các em ngại giao tiếp nên kết quả học tiếng Việt chưa cao.

1.1.4.2. Một số khó khăn và những lỗi thường mắc của học sinh dân tộc khi trả lời câu hỏi trong bài Tập đọc

Giáo trình Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc bậc tiểu học (Dự án Phát triển giáo viên tiểu học - 2008) [7] đã viết:

Khi tiếp nhận văn bản đọc, HSĐT thường gặp một số khó khăn sau:

Khó khăn đầu tiên của HSĐT khi học Tập đọc là phải tiếp nhận rất nhiều loại văn bản, trong khi đó mỗi loại văn bản lại có những đặc trưng riêng. Điều này làm cho HSĐT khó có thể nắm được trọn vẹn nội dung văn bản muốn truyền tải đến người học. Đặc biệt là các loại văn bản mới được đưa vào chương trình như: truyện cười, văn bản nhật dụng, thông tin báo chí... đều rất xa lạ với HSĐT.

Khó khăn tiếp theo là trong các bài đọc, để khai thác nội dung bài, thường có nhiều loại câu hỏi với những yêu cầu khác nhau khi trả lời. Dẫn đến việc HSĐT khó có thể trả lời và trả lời đúng các câu hỏi, từ đó không hiểu

bài hoặc hiểu không sâu sắc. Thông thường có một số loại câu hỏi tìm hiểu bài Tập đọc như:

- + Câu hỏi tìm ý
- + Câu hỏi tóm lược nội dung
- + Câu hỏi suy luận

Với mỗi loại câu hỏi trên, có yêu cầu trả lời không giống nhau. Với loại câu hỏi tìm ý, HS có thể dựa vào các câu trong từng đoạn để tìm ý trả lời. Với loại câu hỏi tóm lược nội dung, đòi hỏi HS phải có khả năng tổng hợp, tóm tắt mới trả lời được. Với câu hỏi suy luận, thì đòi hỏi các em có khả năng tương tượng phong phú, khả năng so sánh, đối chiếu... câu hỏi loại này hầu như là khó với HSĐT.

Thông thường để trả lời câu hỏi, HSĐT phải cầm sách đọc một câu hoặc một đoạn liên quan tới câu hỏi để trả lời. Điều này làm cho HS không chủ động được trong việc trả lời câu hỏi đồng thời cũng làm cho việc hiểu nội dung bài đọc bị hạn chế. Vì vậy, GV cần gợi ý bằng những câu hỏi phụ để HS có thể trả lời được.

Do khả năng đọc hiểu kém cũng như khả năng nói còn hạn chế, nên khi trả lời câu hỏi HSĐT thường mắc phải một số lỗi như:

- Các em thường chưa biết sắp xếp, tổ chức các ý để trả lời. Nhiều em chỉ dựa vào SGK đọc lại các ý liên quan đến nội dung câu hỏi, dẫn đến việc câu trả lời có thể đúng nhưng cũng có thể không phù hợp với nội dung mà câu hỏi đặt ra và không đúng với yêu cầu của trả lời câu hỏi.

- Trong nhiều trường hợp, do HS không hiểu chính xác yêu cầu của câu hỏi nên các em trả lời lạc đề hoặc không sát với yêu cầu của câu hỏi.

- Các em HSĐT thường không trả lời được các câu hỏi mang tính chất tổng hợp. Vì để có câu trả lời đúng cho loại câu hỏi này, đòi hỏi HS phải biết khái quát ý của một đoạn hay cả bài. Do đó, GV cần hướng dẫn tỉ mỉ để HS

có thể trả lời được.

Vậy để giúp các em HSĐT trả lời đúng các câu hỏi trong bài Tập đọc, GV nhất thiết phải hướng dẫn các em nắm vững đặc trưng hệ thống câu hỏi trong từng loại văn bản khác nhau trước khi yêu cầu các em trả lời. Nếu HS chưa nắm được sự khác biệt giữa các thể loại bài đọc thì chất lượng trả lời câu hỏi không đạt được yêu cầu như mong muốn.

1.1.5. Đặc trưng của một số loại văn bản trong chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học và cách tiếp cận

1.1.5.1. Đặc trưng cơ bản của văn bản văn xuôi và cách tiếp cận

Bài Tập đọc là văn xuôi chiếm một dung lượng lớn trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học nói chung và ở lớp 4, 5 nói riêng. So với các bài Tập đọc ở lớp 1, 2, 3, thì bài Tập đọc là văn xuôi ở lớp 4, 5 dài hơn và yêu cầu HS phải hiểu nội dung bài sâu sắc hơn. Hầu hết các bài Tập đọc là văn xuôi đều mang tính truyện. Nói đến truyện là nói đến cốt truyện, lời kể, lời miêu tả, lời nhân vật...

Cốt truyện là hệ thống các sự kiện, tức là những việc làm, những ứng xử, những biến đổi hoặc sự phá vỡ cái thăng bằng, trật tự ban đầu để dẫn tới hàng loạt các biến cố tiếp theo... Tất cả tạo thành bộ khung quan trọng nhất của nội dung truyện. Cốt truyện được sắp xếp khéo léo, hợp lí sẽ có sức lôi cuốn, hấp dẫn người đọc, người nghe. Từ cốt truyện, GV nắm được đâu là nội dung chính, đoạn nào cần quan tâm, chú ý hơn cả. Chính vì vậy, GV cần nắm rõ cốt truyện, từ đó mới định hướng được cách đọc cho HS, thiết kế được hệ thống câu hỏi phù hợp giúp HS tìm hiểu nội dung bài.

Bên cạnh đó, nhân vật cũng là yếu tố không thể thiếu. Nhân vật có thể là người hoặc cũng có thể là các đối tượng khác được nhân hoá để có những suy nghĩ, tư tưởng và hành động như con người. Nhân vật có mối quan hệ khăng khít với cốt truyện. Có thể nói “cốt truyện là cuộc đời của nhân vật”, là

yếu tố thể hiện rõ nét và sâu sắc nhất về nhân vật. Nhân vật trong bài Tập đọc là văn xuôi được khắc hoạ đầy đủ, nhiều mặt hơn hẳn nhân vật trong thơ. Nhân vật trong văn xuôi có thể được miêu tả cả bên trong lẫn bên ngoài, cả điều nói ra và không nói ra, cả ý nghĩ và cái nhìn, cả tình cảm, cảm xúc, cả ý thức và vô thức, cả quá khứ, hiện tại và tương lai... Trong truyện, mỗi nhân vật có một diện mạo riêng, một tính cách riêng và vì thế cũng có cuộc đời riêng. Tập hợp tất cả các cuộc đời riêng đó tạo thành cuộc đời chung của các nhân vật trong tác phẩm. Do đó, GV cần phải chú ý đặt câu hỏi để giúp HS nắm được tên nhân vật và tính cách của từng nhân vật trong truyện.

Đi đôi với nhân vật là lời của nhân vật. Lời của nhân vật có thể được miêu tả lại hoặc xé lẻ ra để đan xen, hoặc hoá thân vào lời kể, lời miêu tả. Tuy nhiên, lời của nhân vật có thể là lời độc thoại hoặc đối thoại. Lời của nhân vật nói lên tính cách của nhân vật. Vì vậy, khi đặt câu hỏi GV cần quan tâm đến lời của nhân vật để đưa ra những câu hỏi làm toát lên tính cách của nhân vật, giúp HS hiểu sâu sắc hơn về nhân vật.

Gắn với đặc điểm về cốt truyện và nhân vật là chi tiết, sự kiện. Hệ thống chi tiết, sự kiện trong bài Tập đọc là văn xuôi rất phong phú, đa dạng, đó là những chi tiết xương xẩu nhất, nhiều loại nhất. Ta bắt gặp những chi tiết về chân dung, ngoại hình, tâm lí, sinh lí, phong cảnh, phong tục, đồ vật,... bao gồm cả những chi tiết tưởng tượng, liên tưởng hoang đường mà không nghệ thuật nào trình diễn được. Vì vậy, khi đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc cho HSĐT thiếu sót, GV cần đặt những câu hỏi bám sát vào hệ thống chi tiết, sự kiện có trong truyện, đặc biệt cần chú ý xác định đâu là chi tiết quan trọng nhất nói lên tính cách của nhân vật hoặc nói nên nội dung chính của bài.

Để người đọc hiểu được diễn biến của truyện thì cần phải có lời kể, lời miêu tả. Lời kể, lời miêu tả trong truyện luôn hướng người đọc ra thế giới đối tượng, khác với thơ luôn hướng tới cảm xúc, ý định của người nói. Nhà văn

thường dùng câu tồn tại, hoặc miêu tả thuộc tính, đặc trưng, hình dáng, động tác của nhân vật gọi tên sự vật ra. VD: “Ngày xưa, ngày xưa có hai anh em...”.

Những đặc điểm cơ bản nói trên là cơ sở khoa học để GV xác định giọng đọc đúng và phù hợp với từng bài văn xuôi cụ thể. Chẳng hạn: văn kể chuyện thường đọc giọng chậm rãi, văn miêu tả thường đọc giọng nhẹ nhàng, văn bản thông thường cần đọc rõ ràng, dứt khoát... Đặc điểm trên cũng là cơ sở để GV xác định chủ đề, phương pháp đọc hiểu và thiết kế hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc cho HSĐT cho phù hợp.

1.1.5.2. Đặc trưng cơ bản của văn bản thơ và cách tiếp cận

Thơ là những sáng tác dùng lời lẽ để bộc lộ cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ, tình cảm một cách trực tiếp, cho ta thấy thái độ chủ quan của con người đối với thế giới.

Nói cách khác, thơ là hình thức văn học phản ánh hiện thực cuộc sống một cách cô đọng, hàm súc. Thông qua hiện thực, nhà thơ muốn người đọc nắm được cảm xúc của mình và nội dung thơ thể hiện thế giới chủ quan mang tình cảm chung nhằm thuyết phục người đọc.

Thơ có tiết tấu, có nhịp điệu. Ngữ pháp của thơ cũng khác với ngữ pháp của văn xuôi. Sự ngắt nhịp, sự ngừng nghỉ trong thơ cũng nhiều, liên tục hơn so với văn xuôi. Ngữ điệu, giọng điệu của thơ cũng có những nét rất riêng dễ thấy. Tiết tấu của bài thơ, âm vang của vần điệu, sự hài hoà của âm thanh là những tín hiệu nhằm diễn đạt nội dung thơ. GV thông qua hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu bài, có thể truyền cho các em cái vui náo nức của thời đi học, cái đẹp nên thơ của lũy tre làng, cái yêu tha thiết của con người với đất mẹ yêu thương, cái nhớ đến cháy ruột cháy lòng về người bà kính mến, tuổi thơ xa xăm của một người chiến sĩ trên đường ra trận... Qua đó, HS cảm nhận được tâm tình của tác giả, thấu tóm được hình tượng mà nhà thơ tạo ra, hoà

nhịp với tâm hồn của nhà thơ, và phần nào đánh giá về nhà thơ.

Ngôn ngữ trong thơ là ngôn ngữ gọt giũa, chọn lọc ở mức độ cao. Từ ngữ trong thơ là những từ ngữ giàu hình ảnh, thơ là nhạc, là hoạ, là nghệ thuật của ngôn từ. Đây là đặc trưng cơ bản, mà qua đó GV cần bám sát để đưa ra những câu hỏi tìm hiểu bài một cách phù hợp để HS hiểu được hết cái hay cái đẹp của bài thơ.

1.1.5.3. Đặc trưng cơ bản của văn bản khoa học và cách tiếp cận

Văn bản khoa học là các văn bản dùng trong lĩnh vực hoạt động khoa học, với chức năng chủ yếu là thông tin - nhận thức. Nó bao gồm các văn bản khoa học chuyên sâu (như các chuyên luận, luận án, luận văn, các công trình khoa học...), các văn bản khoa học giáo khoa (trong các SGK hoặc tài liệu dạy học ở nhà trường), các văn bản phổ cập khoa học (các bài báo, các tài liệu phổ biến, truyền thụ một cách sơ giản, dễ hiểu về các kiến thức khoa học...)

Đặc trưng cơ bản của văn bản khoa học (về mặt nội dung và cả mặt hình thức) là sự biểu hiện rõ rệt và ở mức độ cao của tính trí tuệ, tính lôgic và tính khái quát, trừu tượng. Văn bản khoa học phản ánh hoạt động và thành tựu tư duy trừu tượng của con người. Nó thuyết phục người đọc bằng những lập luận, những luận điểm, luận cứ vững chắc, chính xác, mạch lạc với những khái niệm xác định. Do đó, ngôn ngữ trong văn bản khoa học là ngôn ngữ của tư duy trừu tượng, có tính khái quát cao, có tính khách quan và trung hoà về sắc thái cảm xúc.

Đặc điểm trong cách thức diễn đạt: văn bản khoa học sử dụng hệ thống các thuật ngữ khoa học, các từ ngữ với tính đơn nghĩa, các cấu trúc câu phức tạp nhưng chuẩn mực, các hệ thống kí hiệu, công thức, sơ đồ, mô hình, bảng biểu...

1.1.5.4. Đặc trưng cơ bản của văn bản hành chính và cách tiếp cận

Văn bản hành chính là văn bản dùng trong các hoạt động tổ chức, quản

lí, điều hành xã hội và thực hiện sự giao tiếp giữa các cơ quan Nhà nước với nhân dân và ngược lại; giữa các cơ quan Nhà nước với nhau; giữa các tổ chức đoàn thể xã hội với nhau và với quần chúng. Nó bao gồm các văn bản luật, các văn bản hội nghị (như biên bản, nghị quyết, báo cáo hoặc đề án công tác...), các văn bản về thủ tục hành chính (đơn từ, công văn, chỉ thị, quyết định...).

Đặc trưng cơ bản của văn bản hành chính là tính khuôn mẫu, tính chính xác, minh bạch và tính hiệu lực cao. Các văn bản hành chính cần bộc lộ rõ tính pháp lí, thể chế kỉ cương của hoạt động công vụ trong các hoàn cảnh giao tiếp nghiêm chỉnh, trang trọng. Hơn nữa, cần đạt tới sự chính xác để mọi người lĩnh hội và thực thi. Điều đó cũng gắn liền với tính có hiệu lực rõ rệt của loại văn bản này.

Đặc điểm trong cách thức trình bày, diễn đạt: văn bản hành chính được trình bày, sắp xếp theo các khuôn mẫu quy định và trong nhiều trường hợp đã có bản in sẵn, chỉ cần điền nội dung cần thiết. Về từ ngữ, văn bản hành chính dùng nhiều các từ hành chính và các quán ngữ, đồng thời từ ngữ mang tính khách quan, tính toàn dân (không dung nạp các từ địa phương, các biệt ngữ, các từ có sắc thái khẩu ngữ). Về cú pháp, văn bản hành chính yêu cầu cách đặt câu rõ ràng, rành rọt.

1.1.5.5. Đặc trưng cơ bản của văn bản thông tin, báo chí và cách tiếp cận

Văn bản thông tin báo chí là những văn bản trên báo, đài và bản tin phản ánh hoạt động thông tin, dư luận chung của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự. Nó bao gồm những văn bản cung cấp tin tức, văn bản phản ánh công luận, văn bản thông tin quảng cáo, những mẫu tin, phỏng vấn, nhấn tin, thông báo,...

Đặc trưng cơ bản của văn bản thông tin, báo chí là tính chiến đấu, tính

thời sự, tính hấp dẫn, nội dung ngắn gọn, phong phú, đa dạng. Bởi vì, khi đã có nội dung là sự thật rồi, thông tin còn phải được truyền đi kịp thời, nhanh chóng thì mới có tác dụng, chỉ có những thông tin mới, những vấn đề cấp thiết thì mới hấp dẫn người nghe. Tin tức phải được trình bày hấp dẫn, kêu gọi hứng thú của người đọc, người nghe.

Đặc điểm ngôn ngữ của văn bản thông tin, báo chí: sử dụng những từ ngữ khuôn mẫu (như: đưa tin, thông báo, thiết lập quan hệ...) với những từ ngữ diễn cảm (như: lôi kéo vào một quỹ đạo thù địch, tháo gỡ những ách tắc,...), những yếu tố khuôn mẫu và những yếu tố diễn cảm của cú pháp, những câu đề ngắn gọn, hấp dẫn, đập vào mắt, thâm tóm toàn bộ nội dung.

Đặc trưng các loại văn bản nói trên đòi hỏi phải có cách tiếp cận khác nhau. Đây cũng là cơ sở để GV xây dựng hệ thống câu hỏi sao cho phù hợp với thể loại văn bản và đối tượng học sinh.

1.2. Cơ sở thực tiễn của luận văn

Những năm gần đây, do ngày càng nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy học trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, các cấp quản lý giáo dục đã liên tục phát động phong trào cải tiến phương pháp dạy học. Các buổi hội thảo, chuyên đề, các cuộc triển lãm đồ dùng dạy học, các đợt thao giảng... đã được tổ chức, động viên được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo giáo viên tiểu học và thu hút được sự tham gia của nhiều cán bộ nghiên cứu giáo dục, cán bộ giảng dạy các trường sư phạm. Qua đó, các phương pháp giảng dạy truyền thống như: giảng giải, đàm thoại, trực quan, thực hành luyện tập... được cải tiến, vận dụng theo hướng phát huy tính tích cực của người học.

Theo xu hướng đổi mới phương pháp dạy học đó, phương pháp dạy môn Tiếng Việt nói chung và phương pháp dạy học Tập đọc nói riêng cũng được đổi mới và đã thu được nhiều thành tựu rực rỡ, góp phần nâng cao chất

lượng giáo dục. Thông qua các bài đọc, đa số HS biết đọc - đọc đúng, đọc nhanh, đọc và tái hiện được trong tưởng tượng hình tượng tác phẩm, sau đó biết đọc diễn cảm trên cơ sở hiểu nội dung, ý nghĩa của bài đọc. Qua bài đọc, HS còn được làm quen với ngôn ngữ văn học; bước đầu có những hiểu biết về một số khái niệm cơ bản: nhân vật, hình tượng, đại ý, bố cục, tác phẩm, tác giả, các thể loại (thơ, truyện, kịch,...). Bài đọc còn giúp HS phát triển các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; tạo cho các em những rung cảm thẩm mỹ, giáo dục cho các em những tình cảm trong sáng, tốt đẹp.

Bên cạnh đó, chất lượng dạy học Tập đọc cũng còn rất nhiều hạn chế, đặc biệt là những vùng khó khăn về điều kiện vật chất, vùng sâu vùng xa như một số trường miền núi ở tỉnh Sơn La. Đặc trưng cơ bản của các trường Tiểu học ở Sơn La là HSDTTS chiếm đa số, vì vậy chất lượng dạy học Tiếng Việt nói chung và Tập đọc nói riêng chưa được cải thiện nhiều: khả năng đọc của HS còn kém, sự nhận mặt chữ, khả năng chuyển đơn vị ngôn ngữ chữ viết sang âm thanh, lời nói còn rất nhiều hạn chế.

Điều này được thể hiện rõ trong buổi giao lưu "Tiếng Việt của chúng em", cuộc thi "Tiếng Việt của chúng em" là cuộc thi được tổ chức ở tất cả các trường Tiểu học có HSDTTS trên toàn quốc, nhằm bồi dưỡng kiến thức tiếng Việt cho HSDTTS. Thông qua phần thi kiến thức tiếng Việt, đặc biệt là phần thi đọc tiếp sức, tôi thấy khả năng đọc của HS rất kém, HS lớp 5 mà đọc vẫn chưa được trôi chảy, lưu loát, tâm lý rụt rè được thể hiện rất rõ qua các phần thi và chơi.

Việc vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học Tập đọc cũng chưa đem lại hiệu quả cao. Về cơ bản, nhiều giáo viên vẫn quen sử dụng những phương pháp dạy học truyền thống: giảng giải, thuyết trình... Mà đặc trưng cơ bản của phương pháp dạy học truyền thống là đề cao hoạt động của người thầy: thầy truyền thụ kiến thức chủ yếu bằng

phương pháp thuyết trình, giảng giải - HS thụ động tiếp thu và ghi nhớ, hoạt động của HS chưa được đề cao.

Để thấy được thực trạng này, chúng ta cùng đi sâu vào một bài tập đọc trong hội thi giảng của một GV, bài *Về miền đất đỏ* (TV5 tập hai). Tiết dạy đã làm người dự có những ấn tượng tốt về cô hơn là HS. Cô duyên dáng, giọng nói, giọng đọc truyền cảm - đây cũng chính là nhân tố quyết định đến sự thành công của giờ giảng. Cô chuẩn bị bài công phu: lời vào hấp dẫn, có đàm thoại, có dùng trực quan, có sự tác động khả năng suy nghĩ của các em, nhưng phương pháp chủ yếu là thuyết trình, giảng giải và áp đặt cách hiểu của cô cho HS. VD: cô yêu cầu HS: "*đọc thầm đoạn 1 và xem quyết tâm của các anh bộ đội khi tiến về giải phóng miền đất đỏ*"; "*đọc đoạn 2 và nghĩ về suy tưởng của các anh bộ đội khi đặt chân lên miền đất đỏ*"; "*đọc đoạn 3 và cho cô biết cảm xúc của các anh bộ đội khi giải phóng miền đất đỏ*". Ý của các đoạn văn đã được cô nói và viết lên bảng, HS chỉ diễn giải khi tìm các từ ngữ chứng minh cho các ý này. Có thể chọn cách dạy làm HS phải động não và tích cực hơn, nếu cô yêu cầu các em đọc và tự khái quát các chi tiết để đến được các ý. Nhiệm vụ này, HS có thể làm được vì nội dung văn bản đơn giản, ngắn gọn. Theo cách này, cũng không mất nhiều thời gian (với một tiết học từ 40 - 43 phút) nếu có những câu hỏi cho HS suy nghĩ trước ở nhà, tốt nhất là GV dùng phiếu giao việc trong nội dung bài giảng này.

Trong tiết học, GV cũng yêu cầu HS tìm những từ khó hiểu, từ khó đọc,... nhưng phần lớn những từ khó này do cô đặt ra và tự giải thích. Mặc dù, cô giải thích rất hay và giải thích như thế nhiều khi là cần (đặc biệt với những từ khó, giàu hình ảnh: *vòng kìm kẹp, nổi đắng cay ngọt ngào, kỉ niệm rung rung*), nhưng cũng cần và nên cho HS đặt câu với những từ ngữ này, để các em nắm vững hơn nghĩa của những từ ngữ này ở mức độ có thể dùng chúng trong đời sống hàng ngày.

Phần đọc diễn cảm, cô cũng nói thay HS: cần đọc với giọng như thế nào, cần nhấn giọng, ngắt giọng... ra sao. Kết thúc giờ học, cô hát bài hát ca ngợi chị Võ Thị Sáu - Nữ anh hùng miền đất đỏ.

Trong giờ học, có đàm thoại giữa cô và HS, có lúc cô còn yêu cầu HS đặt câu hỏi để khai thác đoạn 1. Học sinh đặt hai câu hỏi: "*Ai về miền đất đỏ?*", "*Các anh bộ đội tiến về miền đất đỏ với quyết tâm như thế nào?*", sau đó cô tiếp tục mạch thuyết giảng. Như vậy, việc cố gắng phát huy tính tích cực, chủ động của HS vẫn chỉ là hình thức, bản chất của giờ học Tập đọc này là dạy học truyền thống. Giờ học thành công theo quan niệm cũ, vì HS được đọc và xúc động với bài văn. Tuy nhiên, những cảm xúc này có được là do lây cảm xúc của cô giáo nhiều hơn. Đó là một thực tế, đặt ra cho chúng ta những câu hỏi cần giải quyết trong cách dạy, phương pháp truyền thụ và tác động vào HS nhằm thu được kết quả cao trong giờ học Tập đọc.

Một vấn đề nữa mà chúng ta cũng cần chú ý là thời gian dành cho một tiết Tập đọc không nhiều. Trong khi đó, dung lượng, độ dài ngắn của các văn bản đọc lại khác nhau. Bước sang lớp 4, 5, các văn bản thường dài, nội dung phong phú hơn, không chỉ những văn bản tiếng Việt mà còn có các văn bản nước ngoài được dịch sang. Vì vậy, cần có thời gian để HS tiếp cận với nội dung, cách đọc với thể loại văn bản đó. Để đảm bảo cho giờ Tập đọc đạt kết quả cao, mọi HS đều đọc tốt, cảm thụ được tác phẩm là một vấn đề khó khăn khiến cho nhiều GV lúng túng, bị động, không có cách đi thích hợp với từng thể loại bài cụ thể.

Với thể loại văn bản thơ, do đặc điểm riêng nên trong quá trình khám phá một bài thơ đòi hỏi phải công phu, phải đi từ các lớp hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu để tìm hiểu vẻ đẹp độc đáo của tác phẩm mà tác giả gửi gắm trong đó. Nhưng trong quá trình dạy học Tập đọc, người GV thường chú ý đến nội dung mà quên đi nhiệm vụ khai thác hình thức nghệ thuật và làm bài học trở

nên khô khan, HS dễ nhàm chán.

Từ những thực trạng trên, vấn đề đặt ra là cần phải quan tâm hơn nữa đến việc đổi mới, cải tiến phương pháp, biện pháp dạy học cho thích hợp.

1.2.1. Khảo sát thực trạng đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc 5 cho học sinh dân tộc thiểu số Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Ty huyện Sông Mã tỉnh Sơn La

1.2.1.1. Mục đích khảo sát

Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng đặt câu hỏi trong dạy bài học Tập đọc cho HSĐT lớp 5 từ đó đề xuất một số phương pháp và cách đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc đối với từng thể loại văn bản, nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy Tập đọc nói riêng và chất lượng dạy học môn Tiếng Việt nói chung.

1.2.1.2. Nội dung khảo sát

Để thấy được thực trạng đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc cho HS lớp 5, tác giả yêu cầu các thầy, cô đang trực tiếp giảng dạy lớp 4, 5 tham gia trả lời các câu hỏi (khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời mà thầy, cô lựa chọn) trong phiếu điều tra như sau:

Câu hỏi dành cho GV

Câu 1. Các thầy, cô thấy tầm quan trọng của phân môn Tập đọc như thế nào?

- A. Rất quan trọng B. Quan trọng C. Không quan trọng

Câu 2. Thầy, cô thấy việc thiết kế hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc quan trọng như thế nào?

- A. Rất quan trọng B. Quan trọng C. Không quan trọng

Câu 3. Thầy, cô thường sử dụng câu hỏi như thế nào trong phần tìm hiểu bài?

- A. Chỉ sử dụng câu hỏi trong SGK.

B. Có thể chia nhỏ câu hỏi trong SGK hoặc thiết kế thêm một số câu hỏi.

1.2.1.4. Phương pháp khảo sát

- Đặt vấn đề với Ban Giám hiệu nhà trường và giáo viên dạy khối lớp 5 Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La;

- Dự giờ dạy tập đọc của giáo viên để nắm được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đọc hiểu qua đặt câu hỏi trong bài tập đọc của giáo viên.

- Dùng phiếu hỏi dành cho giáo viên và học sinh để thu thập thông tin.

- Dùng phiếu BT đối với HS để kiểm tra đánh giá kết quả trả lời câu hỏi của HS.

- Dùng bảng để tổng hợp kết quả và phân tích kết quả khảo sát.

- Tác giả sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu với những câu hỏi trắc nghiệm, phương pháp trò chuyện, phỏng vấn để thu thập thông tin về thực trạng đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc và tìm hiểu hứng thú của HS đối với phân môn Tập đọc, những khó khăn các em gặp phải trong phần tìm hiểu bài. Trên cơ sở đó, đề xuất những cách đặt câu hỏi mới đem lại hiệu quả cao trong dạy học Tập đọc.

- Tác giả sử dụng phương pháp thống kê toán học để phân tích, xử lý số liệu thu được thông qua khảo sát.

- Cách tiến hành: gồm các bước:

+ Bước 1: phát phiếu khảo sát, yêu cầu điền vào phiếu, thu phiếu.

+ Bước 2: tổng hợp kết quả, phân tích số liệu thu được qua phiếu.

+ Bước 3: nhận xét thực trạng, tìm ra nguyên nhân.

1.2.2. Đánh giá kết quả khảo sát

a. Đối với GV

Bảng 1. 1: Kết quả điều tra từ GV

Câu	Đáp án	Số lượng	phần trăm (%)
1	A	6	85,7
	B	1	14,3
	C	0	0
2	A	1	14,2
	B	4	57,2
	C	2	28,6
3	A	6	85,7
	B	1	14,3
4	A	5	71,4
	B	2	28,5
5	A	1	14,3
	B	2	28,5
	C	4	57,1

b. Đối với học sinh

Bảng 1.2: Kết quả điều tra từ HS

Câu	Đáp án	Số lượng	phần trăm (%)
1	A	162	90
	B	12	6,7
	C	6	3,3
2	A	26	13,3
	B	64	36,7
	C	90	50
3	A	21	11,7
	B	69	38,3
	C	90	50
4	A	39	37,8
	B	112	62,2

Từ kết quả điều tra ta thấy

Đa số GV trong Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đều nhận thức đúng đắn vai trò và tầm quan trọng của phân môn Tập đọc đối với HS nói chung và với HSDTTS nói riêng. Có 85,7 % GV cho rằng phân môn Tập đọc rất quan trọng. Đồng thời, HS cũng rất hứng thú đối với phân môn Tập đọc (90,0% HS). Thông qua trò chuyện với GV và HS, họ có giải thích thêm là vì: phân môn Tập đọc, không những giúp HS biết đọc đúng, đọc trôi chảy lưu loát, đọc diễn cảm và thông hiểu nội dung bài đọc, giáo dục HS năng lực thẩm mỹ, tư tưởng tình cảm tốt đẹp, hướng HS tới cái thiện... mà còn là cơ sở để HS học tập các môn học khác, tiếp thu tri thức từ nhiều nguồn: GV, ti vi, đài, sách, báo,... Từ đó, giúp HS phát triển nhân cách một cách toàn diện.

Để thông hiểu nội dung văn bản đọc, đòi hỏi GV phải thiết kế hệ thống câu hỏi gợi ý giúp HS tiếp cận với nội dung và hiểu sâu sắc nội dung bài đọc. Vì vậy, thiết kế hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là việc rất quan trọng. Nhưng kết quả điều tra cho thấy, GV cho rằng thiết kế hệ thống câu hỏi là việc bình thường, thậm chí không quan trọng. Vì thời gian trên lớp không nhiều, nên chỉ cho HS trả lời hết các câu hỏi trong SGK là tốt lắm rồi, chứ hơi đâu mà chia nhỏ hoặc thiết kế thêm câu hỏi cho mất thời gian. Đa số GV chỉ sử dụng y nguyên câu hỏi trong SGK để hướng dẫn HS tìm hiểu bài (85,7% GV), chỉ có số ít GV cho rằng thiết kế câu hỏi là rất quan trọng và cần chia nhỏ hoặc thiết kế thêm hệ thống câu hỏi phụ (14,3%GV). Từ phía HS cũng cho thấy, các em thường khó trả lời hoặc trả lời không đúng các câu hỏi tóm lược nội dung (38,3%HS) và câu hỏi suy luận (50%HS). Vì vậy, việc chia nhỏ câu hỏi sẽ giúp HS dễ hiểu hơn và tìm được câu trả lời đúng cho từng bộ phận, rồi từ đó có thể tóm lược được ý chính của bài. Thiết kế thêm hệ thống câu hỏi phụ, GV có thể dẫn dắt HS tìm được câu trả lời đúng cho các câu hỏi khó.

Dạng câu hỏi mà GV thường sử dụng trong tìm hiểu bài Tập đọc là câu hỏi tự luận (71,4%GV), vì dạng câu hỏi này dễ thiết kế, không mất thời gian và dễ tổ chức hình thức cho HS trả lời (cá nhân). Nhưng từ phía HS cho thấy, các em có thể dễ trả lời đúng các câu hỏi dạng trắc nghiệm (62,2%HS). Vì vậy, để đảm bảo thời gian và chất lượng dạy học, GV cần kết hợp linh hoạt cả hai dạng câu hỏi tự luận và trắc nghiệm. Tùy từng bài và nội dung câu hỏi, mà GV có thể sử dụng câu hỏi tự luận hoặc câu hỏi trắc nghiệm để giúp HS hiểu được nội dung bài tốt nhất.

Đa số GV cho rằng mục tiêu cao nhất của giờ Tập đọc là HS biết đọc diễn cảm bài đọc (57,2% GV), nhưng HS lại cảm thấy gặp nhiều khó khăn nhất là trong phần đọc diễn cảm. Tại sao vậy? Nguyên nhân chủ yếu của việc HS chưa đọc được diễn cảm bài đọc, là vì các em chưa hiểu thấu đáo nội dung bài đọc thì lấy đâu ra cảm xúc mà đọc diễn cảm bài văn. Chính vì vậy, việc giúp HS nắm được nội dung văn bản đọc là nhiệm vụ cốt yếu nhất để giúp GV đạt được mục tiêu cao nhất của giờ giảng. Để hoàn thành nhiệm vụ này, đương nhiên GV phải đưa ra được hệ thống câu hỏi phù hợp để HS tìm hiểu nội dung của bài.

Để đưa ra được hệ thống câu hỏi phù hợp, đòi hỏi GV phải nắm được đặc trưng cơ bản của từng thể loại văn bản bài đọc. Mà vấn đề này chưa được GV quan tâm nhiều, nên dẫn đến là 71,4% HS trả là không được học phân môn Tập đọc theo đặc trưng của từng văn bản. Vì vậy, việc thiết kế hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc cho HSĐT lớp 5 theo đặc trưng của văn bản bài đọc trong SGK là rất cần thiết.

TIÊU KẾT

Qua tìm hiểu phân tích cơ sở lí luận ta thấy được: Đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi tiểu học, đặc biệt là HS lớp 5, các em đã bước vào tuổi thiếu niên, trí tuệ đã phát triển hơn giai đoạn trước ; Điểm khác biệt khi học TV giữa HS người

Kinh và HSĐT là HSĐT có điểm xuất phát thấp, môi trường học tiếng Việt bị bó hẹp, quá trình học TV chịu nhiều ảnh hưởng từ tiếng dân tộc ; Những khó khăn HS thường mắc là: phải tiếp cận với nhiều loại văn bản, khó trả lời đúng câu hỏi tóm lược nội dung, câu hỏi tổng quát. Khả năng nói còn hạn chế nên HSĐT thường mắc một số lỗi: chưa biết sắp xếp ý để trả lời, không hiểu chính xác yêu cầu của câu hỏi nên trả lời sai ; Một số khái niệm cơ bản: đọc, tập đọc, văn bản, câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm ; Đặc trưng của một số loại văn bản: văn xuôi, thơ, khoa học, hành chính, thông tin báo chí. Từ đó ta thấy, cần quan tâm đến đổi mới phương pháp dạy học, nhằm nâng cao hiệu quả dạy học Tập đọc cho HSĐT.

Qua việc tìm hiểu thực trạng dạy Tập đọc và khảo sát thực trạng đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc cho HSĐT lớp 5 ở một số trường Tiểu học. Ta thấy, việc thiết kế hệ thống câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc chưa được quan tâm và việc khai thác nội dung bài đọc theo đặc trưng của từng loại văn bản chưa đem lại hiệu quả cao. Vì vậy, đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc cho HSĐT lớp 5 là một vấn đề cấp thiết, đòi hỏi GV cần quan tâm nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả dạy học Tập đọc từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

CHƯƠNG 2

BIỆN PHÁP ĐẶT CÂU HỎI TRONG DẠY HỌC TẬP ĐỌC LỚP 5

2.1. Yêu cầu xây dựng các biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5

Ở tiểu học, HS được học nhiều loại văn bản khác nhau, mỗi loại văn bản có đặc điểm riêng do đó các tiếp cận cũng khác nhau. Các loại văn bản mới đưa vào chương trình như truyện vui, văn bản nhật dụng, thông tin báo chí... đều rất xa lạ với HSĐT. Những đặc điểm của các thể loại văn bản đã xác định phương hướng cho việc dạy học Tập đọc ở trường tiểu học. Đối với mỗi loại văn bản đọc khác nhau cũng có cách đặt câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung bài đọc khác nhau.

Dạy tiếng Việt theo nguyên tắc tích hoá hoạt động của HS, GV không trình bày kiến thức như một kết quả có sẵn mà xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động nhằm chiếm lĩnh kiến thức và phát triển các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt. Qua việc trả lời câu hỏi mà các kĩ năng về phân tích, tổng hợp của HS được phát triển. Hơn nữa, đây còn là điều kiện để HSĐT phát triển kĩ năng nói, là một trong các kĩ năng cần rèn luyện trong quá trình học tập. Do vậy, việc thiết kế một hệ thống câu hỏi vừa đảm bảo khai thác nội dung văn bản vừa phù hợp với trình độ HS là một yêu cầu cần thiết với các GV khi dạy tập đọc. Để câu hỏi phù hợp hơn với HSĐT, GV có thể tự đặt câu hỏi hoặc điều chỉnh câu hỏi trong SGK.

Phân môn Tập đọc lớp 5 rèn cho HS các kĩ năng: đọc, nghe và nói theo chủ điểm. Trang bị một số hiểu biết ban đầu về tác phẩm văn học (đề tài, cốt truyện, nhân vật, . . .) góp phần rèn luyện nhân cách cho HS. Học tập đọc, học sinh được tiếp xúc với vẻ đẹp của văn chương thông qua các văn bản nghệ thuật. Đó là cơ hội để học sinh được giáo dục về tình cảm thẩm mỹ, tư tưởng

và phát triển tư duy trừu tượng. Vì vậy, khi dạy học các văn bản nghệ thuật, cần làm cho học sinh xúc động với vẻ đẹp của văn chương, nhận thức được tình cảm yêu thương con người và cuộc sống mà tác giả gửi gắm trong bài đọc, Để giúp học sinh cảm thụ được tác phẩm, giáo viên cần có hệ thống câu hỏi, bài tập gợi được cảm xúc, gợi sự liên tưởng, phát huy trí tưởng tượng của học sinh. Đây không chỉ là những câu hỏi dành cho học tiếng Việt, mà còn là những câu hỏi cho học văn. Khi xây dựng các câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho HSĐT, GV có thể dựa vào hệ thống câu hỏi sách giáo khoa hoặc chia nhỏ các câu hỏi đó thành ý nhỏ hơn để đảm bảo tính vừa sức, HS dễ hiểu và dễ trả lời sẽ gây được hứng thú học tập cho các em. Giáo viên tránh đưa ra những câu hỏi quá khó hoặc quá dài học sinh sẽ khó tiếp nhận. Các câu hỏi phải kích thích sự ham muốn tìm câu trả lời của học sinh. Điều này, đòi hỏi GV phải chủ động sáng tạo, tìm tòi để đặt những câu hỏi khơi gợi học sinh tìm hiểu về giá trị nghệ thuật của văn bản, giúp các em hiểu mục đích thông báo của văn bản...

Vì vậy, dựa trên cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn, tôi mạnh dạn đề xuất một số biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho HSĐT Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La dưới đây.

2.2. Biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho học sinh dân tộc thiểu số

2.2.1. Vận dụng các phương pháp tích cực trong dạy học đọc hiểu bài Tập đọc lớp 5

2.2.1.1. Phương pháp đàm thoại (hỏi đáp)

Phương pháp đàm thoại là phương pháp dạy học được tiến hành trên cơ sở các câu hỏi của giáo viên và sự trả lời của HS để tìm ra những tri thức mới từ văn bản đọc.

Đàm thoại gồm: Đàm thoại tái hiện, đàm thoại giải thích minh họa, đàm thoại orixtic.

Đàm thoại tái hiện: Giáo viên đặt ra những câu hỏi chỉ yêu cầu học sinh nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận. Phương pháp này thường được dùng khi đặt mối liên hệ giữa kiến thức đã học với kiến thức sắp học hoặc khi cần củng cố kiến thức đã học. Như vậy đàm thoại tái hiện chỉ huy động trí nhớ đơn giản, chỉ tái hiện lại kiến thức để trả lời câu hỏi. Do đó các câu hỏi trong phương pháp này có tính liên kết không chặt chẽ, chưa có tính hệ thống. Thường sử dụng trong phần kiểm tra bài cũ của tiết Tập đọc.

Đàm thoại giải thích minh họa: Nhằm mục đích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó, GV lần lượt nêu ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa để giúp học sinh dễ nhớ, dễ hiểu. Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả khi có sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn. Phương pháp này phải sử dụng một hệ thống câu hỏi liên kết chặt chẽ với nhau (Có câu hỏi chính có câu hỏi phụ). GV thường kết hợp giải thích với minh họa tranh với để giải nghĩa từ khó hiểu hoặc những nội dung trừu tượng cho HS.

Đàm thoại orixtic: GV dùng một hệ thống câu hỏi được sắp xếp hợp lý để hướng dẫn học sinh từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, kích thích ham muốn hiểu biết. GV tổ chức sự trao đổi ý kiến (kể cả tranh luận) giữa GV với cả lớp, giữa các thành viên trong lớp. GV đóng vai trò là người tổ chức sự tìm tòi HS mới là người tự lực phát hiện kiến thức mới. Khi kết thúc cuộc đàm thoại học sinh có được niềm vui hứng khởi của sự khám phá. trưởng thành thêm một bước về trình độ tư duy.

Những yêu cầu sư phạm đối với phương pháp đàm thoại đó là: phải làm cho học sinh ý thức được mục đích của toàn bộ hay một phần lớn của cuộc đàm thoại; hệ thống câu hỏi phải được lựa chọn và sắp xếp hợp lý, gắn

bó với nhau thành một thể thống nhất; các câu hỏi được chia thành đơn giản và phức tạp. Số lượng và tính chất phức tạp của câu hỏi phụ thuộc vào tính phức tạp của đối tượng nghiên cứu, kiến thức cần thiết để tiếp thu tài liệu mới, trình độ phát triển của học sinh; sau khi giải quyết xong một vấn đề cần tổng kết lại kết quả của việc giải quyết vấn đề nêu ra, phải đảm bảo nguyên tắc đàm thoại với cả lớp và không bị động “theo đuôi” lớp. Muốn vậy cần đặt câu hỏi cho cả lớp suy nghĩ rồi mới chỉ định một học sinh trả lời, không chiều theo ý muốn của học sinh đi lệch khỏi trọng tâm vấn đề.

Ưu điểm của phương pháp đàm thoại là công cụ để điều khiển hoạt động tư duy của học sinh, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức. Bồi dưỡng cho học sinh năng lực diễn đạt bằng lời những vấn đề khoa học một cách chính xác đầy đủ gọn gàng; Giúp giáo viên thu hút được tín hiệu ngược lại từ học sinh một cách nhanh chóng để kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình. Thông qua đó giáo viên vừa có khả năng chỉ đạo nhận thức toàn lớp vừa chỉ đạo nhận thức của từng học sinh.

Tuy nhiên khi sử dụng phương pháp đàm thoại, nếu người giáo viên chưa có nghệ thuật tổ chức, điều khiển phương pháp đàm thoại thì mang một số hạn chế sau: Dễ làm mất thời gian, ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch bài học; Có thể biến đàm thoại thành cuộc tranh luận giữa GV và học sinh, giữa các thành viên của lớp với nhau.

2.2.1.2. Phương pháp luyện tập

Phương pháp luyện tập là phương pháp học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh tập vận dụng những hiểu biết về văn bản để rèn luyện kỹ năng đọc và củng cố kiến thức, thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể bằng Tiếng Việt.

Năng lực đọc được tạo nên từ bốn kỹ năng bộ phận cũng là bốn yêu cầu về chất lượng của “đọc”: Đọc đúng, đọc nhanh (đọc lưu loát, trôi chảy), đọc

có ý thức (thông hiểu được nội dung những gì mình đọc hay còn gọi là đọc hiểu) và đọc hay (mà ở mức độ cao hơn là đọc diễn cảm)

Các mức độ luyện tập trong tập đọc gồm:

- Luyện đọc đúng: âm, tiếng, từ, câu, đoạn...
- Luyện đọc nhanh (đọc lưu loát, trôi chảy).
- Luyện đọc diễn cảm: làm chủ ngữ điệu khi đọc.

Ví dụ: trong bài tập đọc Những con sếu bằng giấy – TV 5 tập 1, trang 36, 37 các mức độ luyện đọc được thể hiện rất rõ như sau:

Luyện đọc đúng: luyện đọc tiếng, từ phiên âm nước ngoài và các tiếng từ khó HS đọc hay bị sai hay ngọng: Hi-rô-si-ma, Na-ga-xa-ki, Xa-xa-cô Xa-xa-ki, thoát nạn, lâm bệnh nặng, truyền thuyết,...

Luyện đọc câu văn dài: GV đọc mẫu, HS nghe phát hiện chỗ ngắt nghỉ trong câu văn dài, sau đó luyện đọc câu văn này: “Nằm trong bệnh viện nhắm đếm từng ngày còn lại của cuộc đời mình, cô bé ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng/ nếu gấp đủ một nghìn con sếu bằng giấy treo quanh phòng, em sẽ khỏi bệnh.”

Luyện đọc đoạn: GV chọn đoạn văn thứ tư trong bài rồi hướng dẫn HS luyện đọc thầm và đọc thành tiếng, thi đọc.

Luyện đọc nhanh: GV cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn và đọc cả bài.

Luyện đọc diễn cảm: sau khi tìm hiểu bài xong, GV đọc diễn cảm toàn bài và yêu cầu HS lắng nghe giọng đọc. HS nêu đọc bài văn với giọng trầm, buồn, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hậu quả nặng nề của chiến tranh hạt nhân, khát vọng sống của cô bé Xa-xa-cô, mơ ước hòa bình của thiếu nhi thế giới. Sau đó GV hướng dẫn cả lớp luyện đọc diễn cảm đoạn ba trong bài: *Khi Hi-rô-si-ma bị ném bom, cô bé Xa-xa-cô Xa-xa-ki mới hai tuổi đã may mắn thoát nạn. Nhưng em bị nhiễm phóng xạ. Mười năm sau, em lâm bệnh nặng. Nằm trong bệnh viện nhắm đếm từng ngày còn lại của cuộc đời mình, cô bé*

*ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng/ nếu gấp đủ một nghìn con sếu bằng giấy treo quanh phòng, em sẽ **khỏi bệnh**. Em liền **lặng lẽ** gấp sếu. Biết chuyện, trẻ em toàn nước Nhật và nhiều nơi trên thế giới đã **tới tấp gửi** hàng nghìn con sếu giấy đến cho Xa-xa-cô. Nhưng Xa-xa-cô đã **chết** khi em mới gấp được **644** con.*

Ở phân môn Tập đọc lớp 5, kỹ năng đọc của học sinh phải đạt được những yêu cầu sau:

Đọc thông: Đọc đúng và lưu loát các văn bản nghệ thuật (thơ, văn xuôi, kịch), hành chính, khoa học, báo chí,... có độ dài khoảng 250 – 300 chữ với tốc độ 100 – 120 chữ/phút. Biết đọc thầm bằng mắt với tốc độ nhanh hơn lớp 4 (khoảng 120 – 140 tiếng/phút). Biết đọc diễn cảm bài văn, bài thơ, trích đoạn kịch ngắn (Biết điều chỉnh giọng đọc về cao độ, trường độ, nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng để thể hiện đúng cảm xúc trong bài).

Đọc – hiểu: Nhận biết dàn ý và đại ý của văn bản. Nhận biết ý chính của từng đoạn trong văn bản. Phát hiện từ ngữ, hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài văn, bài thơ, trích đoạn kịch được học. Biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự. Biết phát biểu ý kiến cá nhân về cái đẹp của văn bản đã học. Biết tóm tắt văn bản tự sự đã học.

Ứng dụng kỹ năng đọc: Biết tra từ điển và một số sách công cụ. Nhận biết nội dung ý nghĩa của các kí hiệu, số liệu, biểu đồ trong văn bản. Thuộc khoảng 7 bài thơ, đoạn văn xuôi dễ nhớ có độ dài khoảng 150 chữ.

Đối với HSDTTS cần chú ý đọc mẫu để giúp các em đọc đúng:

GV đọc mẫu: đọc toàn bài, đọc câu – đoạn, đọc từ – cụm từ: Trước khi hướng dẫn HS luyện đọc GV luôn phải đọc mẫu để định hướng cách đọc cho HS. Tuy nhiên, nếu trong lớp có HS đọc tốt đạt giọng chuẩn GV cũng có thể cho HS đó đọc mẫu nhưng đối với HSDTTS thì GV phải đọc mẫu là chủ yếu vì kỹ năng đọc của HSDTTS còn nhiều hạn chế.

Đọc mẫu là thao tác sư phạm, có tính chất hướng dẫn học sinh phát âm đúng (thông nhất với chữ viết, để học sinh ghi nhớ chữ viết, không viết sai chính tả). Ví dụ: Đối với HS dân tộc Mông các em hay đọc sai các tiếng kết thúc bằng m, p, c, ... hay nhầm lẫn giữa i và y, a với ă, n với ng,...Chính vì vậy GV cần đọc mẫu chính xác và yêu cầu HS phát âm đọc lại cho đúng trước khi viết tránh tình trạng đọc viết sai.

Nguyên tắc chung: khi học sinh đọc sai, giáo viên hướng dẫn - học sinh phải tự sửa (học sinh không đọc được thì giáo viên phải đọc). GV cần chú ý đặc biệt đến khuôn miệng khi phát âm để hướng dẫn HS quan sát và làm theo cho đúng.

Đọc mẫu từng câu, đoạn là để tạo tình huống, hướng dẫn HS xác định cách đọc hay từng đoạn văn, khổ thơ. Đọc mẫu tiếng, từ là để sửa lỗi phát âm cho HS. Đọc đúng là cơ sở để giúp HS đọc hiểu tác phẩm tốt hơn.

Các hình thức luyện đọc: cá nhân, nhóm, lớp. Ví dụ trong bài tập đọc Bài ca về trái đất – TV 5 tập 1, trang 41, 42. Khi luyện đọc nối tiếp đoạn, GV cho HS luyện đọc cá nhân. Khi luyện đọc trong nhóm, GV cho HS luyện đọc theo nhóm đôi. Khi luyện đọc những tiếng từ khó hay lẫn, GV đọc mẫu và yêu cầu cả lớp đọc theo.

2.2.1.3. Phương pháp phân tích ngôn ngữ

Phương pháp phân tích ngôn ngữ trong dạy học Tập đọc là phương pháp được sử dụng một cách có hệ thống trong việc xem xét tất cả các mặt của ngôn ngữ: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu tạo từ, chính tả, phong cách với mục đích làm rõ cấu trúc các kiểu đơn vị ngôn ngữ, hình thức, và cách thức cấu tạo, ý nghĩa của chúng trong nói năng. Từ đó, GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài và nội dung bài đọc.

Trong bài tập đọc, hững từ ngữ cần tìm hiểu nghĩa gồm: từ ngữ khó (được chú giải cuối bài đọc), từ ngữ phổ thông mà học sinh địa phương chưa

quen, từ ngữ đóng vai trò chủ chốt (chìa khoá) để hiểu nội dung bài đọc.

Cách hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa từ chủ yếu trong ngữ cảnh bài đọc, có thể sử dụng các biện pháp:

Đặt câu với từ ngữ cần giải nghĩa. Ví dụ: trong bài Cái gì quý nhất? – TV 5 tập một, trang 85, 86, cần giải nghĩa từ *tranh luận*, GV có thể yêu cầu HS đặt câu với từ *tranh luận*. Chẳng hạn: Hoa và Lan đang tranh luận về hai bộ trang phục xem bộ nào đẹp hơn.

Tìm từ ngữ đồng nghĩa với từ ngữ cần giải nghĩa. Ví dụ: trong bài Lòng dân – TV 5 tập một trang 24, 25, cần giải nghĩa từ *queo vô, hồng tháy, thiệt, lệ, ráng* GV có thể giải thích cho HS hiểu từ *queo vô* đồng nghĩa với từ *rẽ vào, hồng tháy* đồng nghĩa với từ *không tháy, thiệt* đồng nghĩa với từ *thật, lệ* đồng nghĩa với từ *nhANH, ráng* đồng nghĩa với từ *cố, cố gắng*.

Tìm từ ngữ trái nghĩa với từ ngữ cần giải nghĩa. Ví dụ: Trong bài Công việc đầu tiên – TV 5 tập hai trang 126, 127 cần giải nghĩa từ *rủi*, GV có thể giải thích từ *rủi* trái nghĩa với *may*.

Miêu tả sự vật, đặc điểm được biểu thị ở từ ngữ cần giải nghĩa. Ví dụ: Trong bài Công việc đầu tiên – TV 5 tập hai trang 126, 127 cần giải nghĩa từ *truyền đơn*, GV có thể miêu tả đó là tờ giấy nhỏ có nội dung tuyên truyền chính trị.

Sử dụng đồ dùng dạy học (ĐDDH) như tranh vẽ, mô hình, vật thật... để giải nghĩa từ. Ví dụ: bài Nhà tài trợ đặc biệt của Cách mạng – TV 5 tập hai trang 20, 21 cần giải nghĩa từ *đồng Đông Dương*, GV có thể tìm những hình ảnh về đồng Đông dương cho HS quan sát.

Tóm lại, GV có thể kết hợp nhiều phương pháp khác nhau để giải nghĩa cho HS hiểu. Từ đó nâng cao chất lượng giờ tập đọc.

2.2.2. Biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 theo thể loại văn bản

2.2.2.1. Đặt câu hỏi trong bài Tập đọc là văn xuôi

Đặt câu hỏi cho HSĐT trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản văn xuôi phải dựa vào các đặc điểm cơ bản của bài đọc như nội dung, ý nghĩa, chủ đề, ngôn ngữ, hình ảnh, diễn đạt... Câu hỏi cho HSĐT nên dựa vào khai thác nội dung đơn giản, hỏi về các hình ảnh, chi tiết dễ nhận biết, ngôn ngữ cụ thể, có thể cho HS đặt tên khác, giải thích hoặc nêu suy nghĩ về một chi tiết, tránh đưa ra các câu hỏi có tính khái quát, suy luận trừu tượng đối với các em. [7, tr.137]. Đối với HSĐTTS, khả năng nói tiếng Việt đã rất hạn chế nên yêu cầu HS phải hiểu nội dung văn bản đọc thì càng khó. Chính vì vậy để giúp các em có thể hiểu nội dung bài đọc là văn xuôi GV cần đặt câu hỏi bám sát những nội dung chi tiết trong bài đọc.

Căn cứ vào những đặc điểm trên đây của bài Tập đọc là văn xuôi, tôi thiết kế hệ thống câu hỏi trong phần tìm hiểu bài cho một số bài Tập đọc.

VD: bài **Một vụ đắm tàu** – TV5 tập hai. Đây là một bài Tập đọc mở đầu cho chủ điểm Nam và Nữ, bài đọc được viết theo lối văn xuôi dưới dạng một câu chuyện. Bài đọc chính là một đoạn trích trong tác phẩm “Những tấm lòng cao cả” của A-mi-xi. Nội dung bài đọc nói về cuộc gặp gỡ giữa Giu-li-ét-ta và Ma-ri-ô trên một chuyến tàu rời cảng Li-vơ-pun ở nước Anh về I-ta-li-a.

Trong SGK đã đưa ra 4 câu hỏi như sau:

- 1. Nêu hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta.*
- 2. Giu-li-ét-ta chăm sóc Ma-ri-ô như thế nào khi bạn bị thương?*
- 3. Quyết định nhường bạn xuống xuống cứu nạn của Ma-ri-ô nói lên điều gì về cậu bé?*
- 4. Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong truyện.*

Một trong những mục tiêu của chủ điểm Nam và Nữ là HS biết được về sự bình đẳng giới, vẻ đẹp riêng về tính cách của mỗi giới. Và một trong những mục tiêu của bài đọc là giúp HS hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: ca ngợi tình bạn giữa Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta; sự ân cần dịu dàng của Giu-li-ét-ta; đức hi sinh cao thượng của Ma-ri-ô. Chính vì vậy, khi hướng dẫn HSĐT tìm hiểu bài, GV cần chú ý đặt những câu hỏi hỏi về những chi tiết, hành động nói lên tính cách của các nhân vật để HS nắm được tính cách của từng nhân vật, từ đó tìm ra được nội dung chính của bài đọc.

Ta thấy, những câu hỏi mà SGK đưa ra là những câu hỏi định hướng HS tìm hiểu về những nội dung trọng tâm của bài, giúp HS có thể rút ra nội dung chính của bài. Tuy nhiên, để HSĐT có thể hiểu sâu sắc nội dung bài hơn thì GV có thể thiết kế thêm hệ thống câu hỏi phụ. Chẳng hạn:

Câu hỏi 1 là câu hỏi tìm ý, sau khi GV đặt câu hỏi, HS có thể trả lời được hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta là: Ma-ri-ô về quê sống với họ hàng còn Giu-li-ét-ta, cô đang trên đường về nhà và rất vui vì sắp được gặp lại bố mẹ. Nếu GV chỉ hỏi HS và HS trả lời rồi dừng câu hỏi ở đây thôi, thì HS vẫn chưa nắm được tính cách của hai nhân vật trong chuyện. Vì vậy, GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ như sau:

Chi tiết Ma-ri-ô không kể gì về cậu mặc dù bố cậu mới mất thể hiện cậu là một người thế nào? Khi GV đặt câu hỏi như vậy, HS có thể trả lời được: cậu bé là một chàng trai rất kín đáo. Đây cũng chính là nét tính cách điển hình của nam giới. Vậy là, GV đã giúp HS không những hiểu kỹ hơn về tính cách của nhân vật mà còn giúp GV đạt được mục tiêu chủ điểm đã đưa ra.

Tâm trạng vui mừng của Giu-li-ét-ta vì sắp được gặp lại bố mẹ thể hiện tính cách gì của cô bé? Thể hiện cô bé rất hồn nhiên, đây cũng chính là nét tính cách điển hình của nữ giới.

Trước khi hỏi câu hỏi 2 trong SGK, GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ để

dẫn dắt HS và giúp các em nắm được diễn biến tiếp theo của câu chuyện như: *Chuyện gì đã xảy ra khi Ma-ri-ô định chúc bạn ngủ ngon?* (HS trả lời: Khi Ma-ri-ô định chúc bạn ngủ ngon thì một ngọn sóng lớn ập tới, xô cậu ngã dúi.)

Sau khi HS trả lời được câu hỏi 2: *Giu-li-ét-ta chăm sóc Ma-ri-ô như thế nào khi bạn bị thương?* (Giu-li-ét-ta hoảng hốt chạy lại. Cô quỳ xuống bên Ma-ri-ô, lau máu trên trán bạn, rồi dịu dàng gỡ chiếc khăn đỏ trên mái tóc băng cho bạn.), GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ: *Hành động đó nói lên tính cách gì của Giu-li-ét-ta?* (Giu-li-ét-ta là một cô bé ân cần, dịu dàng, nhân hậu, sẵn lòng giúp đỡ người khác).

Trước khi hỏi câu hỏi số 3 trong SGK, GV có thể đưa ra những câu hỏi phụ như: *Tại nạn bất ngờ xảy ra như thế nào?* (con bão dữ dội nổi lên, sóng phá thủng thân tàu, nước phun vào khoang, ngập các bao lon, con tàu chìm dần giữa biển khơi) ; *Thái độ của Giu-li-ét-ta như thế nào khi người trên xuống muốn nhận đứa nhỏ hơn là Ma-ri-ô?* (sững sờ, buông thõng hai tay, đôi mắt tuyệt vọng) ; *Lúc đó Ma-ri-ô đã phản ứng thế nào?* (cậu quyết định nhường Giu-li-ét-ta xuống xuống cứu nạn).

Sau khi HS trả lời được 3 câu hỏi phụ trên, GV mới hỏi câu hỏi 3: *Quyết định nhường bạn xuống xuống cứu nạn của Ma-ri-ô nói lên điều gì về cậu bé?* (cậu là người có tâm hồn cao thượng, đã nhường sự sống cho bạn, nhận lấy cái chết về mình, cậu đã hi sinh bản thân vì bạn).

Khi HS trả lời được câu hỏi này, GV có thể giảng thêm: phải đặt mình trong hoàn cảnh buộc phải lựa chọn sự sống hay cái chết, ta mới thấy được hành động cao thượng của cậu bé Ma-ri-ô, mới 12 tuổi. Lẽ ra cậu được xuống xuống cứu nạn vì cậu nhỏ hơn, nhưng nhìn thấy vẻ mặt thần thờ, tuyệt vọng của Giu-li-ét-ta, một ý nghĩ vụt đến, Ma-ri-ô đã nhường sự sống cho bạn, nhận cái chết về mình. Đó là một hành động cao thượng đáng khâm phục.

Với những câu hỏi GV đưa ra như trên, chỉ sau khi trả lời xong câu hỏi

3, là HS đã hiểu sâu sắc nội dung câu chuyện và nắm được những tính cách điển hình của 2 nhân vật chính. Từ đây, HS dễ dàng trả lời được câu hỏi số 4: *Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong truyện.* Mặc dù, đây là câu hỏi tương đối khó, nhưng vì HS đã hiểu rõ tính cách của hai nhân vật nên các em có thể nêu được cảm nghĩ của mình về nhân vật.

Cuối cùng, GV có thể đưa ra câu hỏi tổng quát để HS rút ra nội dung chính của bài: *Câu chuyện ca ngợi điều gì?* (Câu chuyện ca ngợi tình bạn giữa Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta; sự ân cần dịu dàng của Giu-li-ét-ta; đức hi sinh cao thượng của Ma-ri-ô.)

Kết thúc bài học, GV có thể đưa ra một số câu hỏi giúp HS liên hệ với bản thân. VD: *Qua bài em học được đức tính gì của các nhân vật trong chuyện?*

Trên đây, là cách thiết kế hệ thống câu hỏi phụ để khai thác nội dung của bài mà vẫn giữ nguyên câu hỏi trong SGK. Tuy nhiên, tùy từng nội dung bài đọc và nội dung câu hỏi trong SGK, GV có thể chia nhỏ câu hỏi, đặt câu hỏi đơn giản hơn để HS hiểu từng bộ phận của bài đọc. Trong một số trường hợp cụ thể, GV có thể thay thế câu hỏi trong SGK bằng câu hỏi khác cho phù hợp với đối tượng HS của mình.

VD: bài **Thắng biển** – TV 4 tập 2, trang 76, 77.

Trong SGK đưa ra câu hỏi: *Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện lòng dũng cảm, sức mạnh và chiến thắng của con người trước cơn bão biển?* GV có thể chia câu hỏi trên thành 3 câu hỏi để HS dễ trả lời: *Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện lòng dũng cảm của con người trước cơn bão biển?; Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện sức mạnh của con người trước cơn bão biển?; Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện chiến thắng của con người trước cơn bão biển?*

Ngoài ra, đối với nhiều bài Tập đọc, tùy nội dung câu hỏi, mà GV có thể

chuyển câu hỏi tự luận trong SGK thành câu hỏi trắc nghiệm để giúp HS dễ trả lời hơn.

VD: trong bài tập đọc “**Người ăn xin**” - TV 4 tập một, trang 30, 31.

Trong SGK có đưa ra câu hỏi : *Cậu bé không cho gì ông lão, nhưng ông lão lại nói: “Như vậy là cháu đã cho lão rồi.” Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì?* Trong bài đọc chỉ có chi tiết cậu bé tìm khắp các túi mà không có gì đưa cho ông lão, vì vậy HS khó có thể nghĩ ra cậu bé đã cho ông lão cái gì. Nếu GV đưa câu hỏi trên về dạng câu hỏi trắc nghiệm thì HS có thể dễ dàng trả lời đúng câu hỏi. Chẳng hạn:

Cậu bé không cho gì ông lão, nhưng ông lão lại nói: “Như vậy là cháu đã cho lão rồi.” Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì? Em hãy khoanh vào đáp án mà em cho là đúng nhất trong 4 đáp án sau:

- A. Tình thương
- B. Sự thông cảm
- C. Thái độ tôn trọng
- D. Cả A, B và C

Với những đáp án mà GV đưa ra, HS dễ dàng tìm được đáp án đúng là D, ông lão nhận được tình thương, sự thông cảm và thái độ tôn trọng của cậu bé qua hành động cố gắng tìm quà, qua lời xin lỗi chân thành, qua cái nắm tay rất chặt.

Tóm lại, có rất nhiều cách thiết kế câu hỏi giúp HS tìm hiểu nội dung bài Tập đọc là văn bản văn xuôi, GV cần nắm chắc những đặc điểm cơ bản của loại văn bản này để có thể thiết kế được hệ thống câu hỏi phù hợp giúp HS nắm được nội dung của bài đọc.

2.2.2.2. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản thơ

Văn bản thơ có đặc điểm rất khác biệt với văn bản văn xuôi. Nếu như văn xuôi thiên về diễn biến của sự vật, hiện tượng, có tuyến nhân vật, có nội

dung tường minh, thường được chia thành từng đoạn thì thơ là tiếng nói của tình cảm, không có kết cấu tường minh, chủ yếu diễn đạt cảm xúc của nhà thơ. Nhân vật trong thơ là cái tôi trữ tình của nhà thơ. Thơ thiên về sử dụng âm thanh, ngôn ngữ, hình ảnh để mô tả cảm xúc cá nhân hơn là nhận thức về lí trí. [7, tr.138]

Bài Tập đọc là văn bản thơ cũng chiếm một số lượng lớn trong SGK TV lớp 4, 5, phong phú về nội dung và đa dạng về thể loại. Ứng với mỗi chủ điểm, hầu như đều có một bài thơ. Hầu hết các bài thơ trong chương trình Tiểu học, đều mang ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng, nó thể hiện đặc sắc thông qua những hình ảnh thơ gần gũi, thân thuộc với tuổi thơ. Thơ là cách diễn đạt cuộc sống bằng những hình ảnh cô đọng, hàm xúc nhất. Vì vậy, việc tìm hiểu, khai thác những hình ảnh đẹp trong thơ là rất cần thiết giúp cho quá trình dạy học Tập đọc đạt hiệu quả cao.

Đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc là văn bản thơ cho HSĐT, cần thật cụ thể, đơn giản. Câu hỏi nên hỏi về những chi tiết, hình ảnh đặc sắc, chỉ ra mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, ý nghĩa cụ thể hoặc yêu cầu HS học thuộc lòng một đoạn hay cả bài. Tránh đưa các câu hỏi dài, hoặc yêu cầu HS hiểu nghĩa của câu thơ, bài thơ.

VD: bài **Đất nước** - TV 5 tập 2, trang 94, 95.

Trong SGK đưa ra 4 câu hỏi:

1. *“Những ngày thu đã xa” được miêu tả trong hai khổ thơ đầu đẹp mà buồn. Hãy tìm những từ ngữ nói lên điều đó.*

2. *Cảnh đất nước trong mùa thu mới được tả trong khổ thơ thứ ba đẹp như thế nào?*

3. *Lòng tự hào về đất nước tự do và về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?*

4. *Học thuộc lòng bài thơ.*

Những câu hỏi trong SGK đưa ra là những câu hỏi hỏi về những chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong bài thơ và có câu hỏi yêu cầu HS học thuộc lòng bài thơ. Tuy nhiên, nếu chỉ sử dụng những câu hỏi này thôi, thì GV vẫn chưa giúp HS cảm nhận được hết vẻ đẹp phơi phới của mùa thu và lòng tự hào khi đất nước được tự do, truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, GV cần đầu tư thời gian thiết kế thêm hệ thống câu hỏi gợi ý, để giúp HS hiểu và cảm thụ được những gì mà nhà thơ Nguyễn Đình Thi gửi gắm qua đoạn thơ. Có thể thiết kế những câu hỏi như sau:

Trước khi yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, GV nên đưa ra câu hỏi phụ: *Em hiểu “những ngày thu đã xa” là những ngày thu như thế nào?* (Đó chính là mùa thu năm 1946, những người con Hà Nội phải rời thủ đô đi kháng chiến, để lại phố phường trong tay giặc, tâm trạng của họ rất lưu luyến, ngậm ngùi. Tác giả là một trong những người ra đi như vậy. Sống trong mùa thu kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc, trong niềm vui chiến thắng, tác giả nhớ lại kỉ niệm xưa.)

Sau khi HS trả lời được câu hỏi trên, các em sẽ hiểu hơn về cụm từ “những ngày thu đã xa” và có thể tìm được những từ ngữ, hình ảnh miêu tả “những ngày thu đã xa” đẹp mà buồn (sáng mát trong, gió thổi mùa thu hương cốm mới, chớm lạnh, xao xác hơi may, thêm nắng, lá rơi đầy, đầu không ngoảnh lại). GV có thể hỏi thêm: *Em hãy cho biết câu thơ nào trong khổ thơ 1, 2 mang hình ảnh đặc sắc diễn tả tâm trạng lưu luyến của người dân thủ đô không muốn rời xa Hà Nội?* (câu thơ: Người ra đi đầu không ngoảnh lại, Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy).

HS trả lời xong câu hỏi 2: *Cảnh đất nước trong mùa thu mới được tả trong khổ thơ thứ ba đẹp như thế nào?* (mùa thu mới vừa đẹp vừa vui: rừng tre phấp phới, trời thu thay áo mới, trong biếc, nói cười), GV nên hỏi thêm câu hỏi về biện pháp nghệ thuật tác giả đã sử dụng trong khổ thơ ba: *Tác giả*

đã dùng biện pháp nghệ thuật gì để tả thiên nhiên, đất trời trong mùa thu thắng lợi của kháng chiến? (tác giả sử dụng biện pháp nhân hoá làm cho trời cũng biết thay áo, cũng nói cười như con người để thể hiện niềm vui phơi phới, rộn ràng của thiên nhiên, đất trời trong mùa thu thắng lợi của cuộc kháng chiến.)

Đối với câu hỏi 3: Lòng tự hào về đất nước tự do và về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối? Câu hỏi này hơi dài nên GV có thể chia thành 2 câu hỏi: Lòng tự hào về đất nước tự do của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối? (được thể hiện qua những điệp từ: đây là của chúng ta, những) ; Lòng tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối? (chưa bao giờ khuất, rì rào trong tiếng đất, vọng nói về).

Cuối cùng, GV đặt câu hỏi tổng quát để HS rút ra ý nghĩa của bài thơ: Em hãy cho biết nội dung chính của bài thơ là gì? (bài thơ thể hiện niềm vui, niềm tự hào về đất nước tự do, tình yêu tha thiết của tác giả đối với đất nước, với truyền thống bất khuất của dân tộc.)

Với hệ thống câu hỏi trong SGK đã đưa ra, GV cũng có thể thay đổi 3 câu hỏi đầu bằng một số câu hỏi khác như sau:

1. So sánh sự khác nhau giữa hai mùa thu xưa và nay? (Mùa thu xưa đẹp mà buồn, mùa thu nay đẹp mà vui.)

2. Tìm những từ ngữ miêu tả mùa thu xưa? (chớm lạnh, xao xác hơi may, thêm nắng, lá rơi đầy.)

3. Tác giả dùng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả “mùa thu nay”? (Nghệ thuật nhân hoá: trời thu thay áo mới, nói cười ; sử dụng điệp từ, điệp ngữ kết hợp với các từ ngữ thể hiện không gian bao la: của chúng ta, những, trời xanh, núi rừng, cánh đồng, ngã đường, dòng sông.)

4. Trong khổ thơ cuối, tác giả muốn khẳng định điều gì về đất nước?

(khẳng định truyền thống đấu tranh anh dũng đã tạo nên sức sống mãnh liệt và được truyền từ đời này sang đời khác, trở thành sức mạnh của đất nước.)

Ngoài ra, ở một số bài thơ có những câu hỏi HS khó tìm ra được câu trả lời, GV cũng có thể chuyển câu hỏi dạng tự luận đó thành câu hỏi dạng trắc nghiệm.

VD: **Hành trình của bầy ong** - TV 5 tập 1, tr. 117,118.

Trong SGK có đưa ra câu hỏi: *Bầy ong đến tìm mật ở những nơi nào? Nơi ong đến có vẻ đẹp gì đặc biệt?* GV có thể chuyển câu hỏi này thành câu hỏi trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi. Chẳng hạn:

Em hãy nối những nơi ong đến ở cột A tương ứng với vẻ đẹp của nơi đó ở cột B.

A	B
<i>Rừng sâu</i>	<i>Loài hoa nở không tên.</i>
<i>Bờ biển xa</i>	<i>Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.</i>
<i>Quần đảo khơi xa</i>	<i>Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.</i>

Tóm lại, đối với bài đọc là văn bản thơ, GV cần chú ý đặt câu hỏi để khai thác những hình ảnh đặc sắc, những từ ngữ gợi tả, gợi cảm được thể hiện trong bài đọc. Qua đó, giúp HS hiểu, cảm thụ được những vẻ đẹp, những tâm tư, tình cảm tác giả gửi gắm qua bài thơ.

2.2.2.3. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản khoa học

Văn bản khoa học là những văn bản mang tính chính xác cao, thường viết để mô tả những đặc điểm, những tính chất, những quy luật hoạt động cụ thể nào đó của một sự vật, đồ vật, cây cối, con vật hoặc của các hiện tượng thiên nhiên... Ngôn ngữ có tính chính xác, khô khan, khách quan. Người viết không được bộc lộ cảm xúc, nhận xét, đánh giá chủ quan của mình nhằm

cung cấp những thông tin chính xác, đích thực về bản chất, quy luật hoạt động của sự vật, hiện tượng. [7, tr.139]

VD: Bài **Trống đồng Đông Sơn** -TV4 tập 2, giới thiệu về đặc điểm và những hoa văn được vẽ trên trống. Hay bài **Tranh làng Hồ** -TV5 tập 2, nói về đặc điểm của tranh làng Hồ. Bài **Sự sụp đổ của chế độ A-pác-thai** - TV5 tập 1 nói về quá trình sụp đổ của chế độ A-pác-thai, ...

Trong SGK TV 4, 5, những bài đọc là văn bản khoa học được đề cập đến không nhiều. Lớp 4 có các bài như: Ông trạng thả diều, “Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi, Kéo co, Trống đồng Đông Sơn, Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa, Sầu riêng, Ăng-co Vát,... Lớp 5 có các bài: Nghìn năm văn hiến, Sự sụp đổ của chế độ A-pác-thai, Phong cảnh đền Hùng, Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Tranh làng Hồ, Tà áo dài Việt Nam,...

Văn bản khoa học là loại văn bản mới lạ đối với HSĐT. Vì vậy, đặt câu hỏi đối với bài đọc là văn bản khoa học cho phù hợp với HSĐT, cần chú ý đến tính ngắn gọn, tường minh, chính xác, dễ hiểu, bám sát vào nội dung của các văn bản khoa học. Trong các câu hỏi không được bộc lộ thái độ, cảm xúc, đánh giá, nhận xét của con người.

VD: **Tà áo dài Việt Nam** - TV5 tập 2, trang 122. Đây là bài Tập đọc có dạng là một văn bản khoa học, bài đọc nói về sự hình thành của chiếc áo dài tân thời từ chiếc áo dài cổ truyền; vẻ đẹp kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong cách dân tộc tế nhị, kín đáo với phong cách hiện đại phương Tây của tà áo dài Việt Nam; sự duyên dáng, thanh thoát của phụ nữ Việt Nam trong chiếc áo dài.

Trong SGK đưa ra bốn câu hỏi sau:

- 1. Chiếc áo dài có vai trò thế nào trong trang phục của phụ nữ Việt Nam xưa?*
- 2. Chiếc áo tân thời có gì khác với chiếc áo dài cổ truyền?*
- 3. Vì sao áo dài được coi là biểu tượng cho y phục truyền thống của*

Việt Nam?

4. Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của người phụ nữ trong tà áo dài?

Đây là một văn bản khoa học, nên nội dung rất xa lạ với HSĐT. Các câu hỏi SGK đưa ra lại là những câu hỏi suy luận, điều này càng làm cho quá trình tìm hiểu nội dung bài đọc của HSĐT gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, GV cần thiết kế thêm hệ thống câu hỏi phụ để giúp các em tìm hiểu nội dung bài đọc thuận lợi hơn.

Ta thấy, câu hỏi 1 là một câu hỏi không phải đơn giản, vì nội dung bài đọc không cho sẵn thông tin nói về vai trò của chiếc áo dài trong trang phục phụ nữ Việt Nam. Nên GV có thể thay đổi cách hỏi như: *Chiếc áo dài thể hiện phong cách gì của người phụ nữ Việt Nam xưa?* Tuy nhiên, nếu đột nhiên hỏi như vậy thì HS khó có thể trả lời được. GV cần hỏi thêm câu hỏi phụ: *Phụ nữ Việt Nam xưa kia hay mặc áo theo kiểu nào?* với câu hỏi này HS dựa vào thông tin trong bài đọc có thể trả lời được là: phụ nữ Việt Nam xưa hay mặc áo theo lối mớ ba, mớ bảy, tức là mặc nhiều áo lồng vào nhau. Sau đó, GV mới hỏi: *Chiếc áo dài thể hiện phong cách gì của người phụ nữ Việt Nam xưa?* Dựa vào thông tin trong SGK, HS có thể trả lời được là: áo dài thể hiện phong cách kín đáo, tế nhị của phụ nữ Việt Nam xưa vì họ thường mặc áo mớ ba, mớ bảy.

Câu hỏi 2 cũng là một câu hỏi khó, nếu GV không giúp các em nắm được đặc điểm của chiếc áo dài cổ truyền và áo dài tân thời, thì HS không thể nào đưa ra được điểm khác nhau giữa áo dài cổ truyền và áo dài tân thời. Vì vậy, GV nên chia nhỏ câu hỏi 2 thành những câu hỏi ngắn hơn, đơn giản hơn. Chẳng hạn:

+ *Áo dài cổ truyền có mấy loại?* (hai loại: tứ thân và năm thân).

+ *Em hãy nêu đặc điểm của mỗi loại áo dài đó?* (Áo tứ thân: được may từ 4 mảnh vải, hai mảnh trước rời tạo thành 2 vạt, 2 mảnh sau ghép lại ở sống

lưng; áo năm thân: khác áo tứ thân ở chỗ vạt trước phía trái may ghép từ hai thân vải.)

+ *Em hãy quan sát tranh minh họa Thiếu nữ bên hoa huệ và cho biết đặc điểm của áo dài tân thời?* (áo dài tân thời gồm hai thân vải phía trước và phía sau.)

+ *Áo dài tân thời khác áo dài cổ truyền ở chỗ nào?* (áo tân thời khác áo truyền thống ở chỗ có ít thân vải hơn, đơn giản hơn, hiện đại hơn.)

Như vậy, GV đưa ra một loạt những câu hỏi gợi mở, giúp HS dần dần đưa ra được điểm khác nhau giữa áo dài tân thời và áo dài truyền thống.

Câu hỏi 3 cũng là một câu hỏi suy luận, nên cũng rất khó đối với HSĐT. Vì vậy, biện pháp tối ưu để giúp HS có thể trả lời được câu hỏi này là GV chuyển câu hỏi này về dạng câu hỏi trắc nghiệm. Có thể đặt câu hỏi như sau:

Vì sao áo dài được coi là biểu tượng cho y phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam? Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong những đáp án sau:

A. Áo dài là loại trang phục có từ lâu đời.

B. Áo dài luôn được cải tiến cho phù hợp, vừa kín đáo tế nhị, vừa hiện đại.

C. Mặc áo dài làm cho người phụ nữ Việt Nam đẹp hơn, tự nhiên hơn, mềm mại và thanh thoát hơn.

D. Cả A, B và C.

Với câu hỏi như trên, HS sẽ chọn được đáp án đúng là D. Sau đó, GV giảng thêm cho HSĐT hiểu vì sao áo dài được coi là biểu tượng cho y phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam. Theo cách này, GV giúp HS tìm ra được câu trả lời đúng mà không mất nhiều thời gian.

Với câu hỏi số 4, đây cũng là một câu hỏi không dễ, nhưng vì GV đã giúp HS hiểu thấu đáo đặc điểm, vai trò của chiếc áo dài trong trang phục của người phụ nữ Việt Nam thông qua các câu hỏi gợi mở. Qua đó, HS cũng phần nào cảm nhận được

vẻ đẹp của chiếc áo dài và nét đẹp của người phụ nữ khi mặc áo dài, nên có thể các em sẽ nói được những cảm nhận của mình về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong tà áo dài.

Tóm lại, khi tìm hiểu các bài Tập đọc là văn bản khoa học, nhìn chung, HSĐT gặp rất nhiều khó khăn. Vì trong văn bản khoa học, có nhiều thuật ngữ xa lạ với các em nên các em khó hiểu. Mặt khác, vì HSĐT bị hạn chế về vốn từ tiếng Việt, khả năng hiểu nghĩa của văn bản đọc. Do đó, những câu hỏi gợi ý của GV có thể coi như là phương tiện mở lối cho HS tiếp cận với tri thức của nhân loại.

2.2.2.4. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản hành chính

Văn bản hành chính là những văn bản mang tính quy định cụ thể về các thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội về mọi phương diện. Đặc điểm của phong cách văn bản hành chính là tính chính xác, lạnh lùng, vô cảm trong ngôn ngữ và trình tự thủ tục, không bộc lộ khía cạnh tình cảm của con người trong đó. Câu chữ ngắn gọn, rành mạch, khúc chiết, dễ hiểu để mọi người dễ tuân thủ và dễ thực hiện đúng. [7, tr.140]

Trong chương trình SGK Tiếng Việt lớp 5, những bài đọc là văn bản hành chính được đề cập đến rất ít. Lớp 5 có các bài như: Luật tục xưa của người Ê-đê, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em,...

Văn bản hành chính với những đặc điểm cơ bản như trên, nên khi đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản hành chính cần cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu hướng tới việc HS hiểu mục đích của văn bản hành chính, các thủ tục, trình tự của văn bản hành chính để thực hiện đúng, đầy đủ, giúp các em biết cách hành văn, cách trình bày một văn bản hành chính. Tuyệt đối, GV không khuyến khích các em thực hiện sáng tạo, không theo các khuôn mẫu đã định sẵn của các thủ tục hành chính.

VD: Bài **Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em** - TV 5 tập 2.

Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là văn bản của Nhà nước nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em, quy định bổn phận của trẻ em đối với gia đình và xã hội. Thông qua bài đọc này, giúp HS biết liên hệ những điều luật với thực tế để có ý thức về quyền lợi và bổn phận của trẻ em, thực hiện Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Trong SGK đã đưa ra 4 câu hỏi sau:

1. *Những điều luật nào trong bài nêu lên quyền của trẻ em Việt Nam?*
2. *Đặt tên cho mỗi điều luật nói trên.*
3. *Nêu những bổn phận của trẻ em được quy định trong luật.*
4. *Em đã thực hiện được những bổn phận gì, còn những bổn phận gì cần tiếp tục cố gắng để thực hiện?*

Nhìn chung, những câu hỏi trên không khó lắm. Tuy nhiên, nếu không có câu hỏi phụ để dẫn dắt HSĐT thì các em khó có thể trả lời đúng các câu hỏi mà SGK đã đưa ra. GV có thể đưa thêm một số câu hỏi như:

Trước khi yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, GV nên hỏi: *Để nêu lên quyền của trẻ em, mở đầu mỗi điều luật thường là cụm từ nào? ("trẻ em có quyền").* Sau đó, GV hỏi: *Những điều luật nào trong bài nêu lên quyền của trẻ em Việt Nam? (HS dễ dàng xác định được những điều nói về quyền của trẻ em là: điều 15, 16, 17 nhờ vào căn cứ trên.)*

Để trả lời câu hỏi 2, GV cần hướng dẫn HS tìm nội dung của từng điều, rồi căn cứ vào nội dung của điều luật để đặt tên cho điều luật đó. Chẳng hạn:

Nội dung điều 15 nói lên những quyền gì của trẻ em? Điều 15 có thể đặt tên là quyền gì của trẻ em? (Quyền được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe)

Nội dung điều 16 nói lên những quyền gì của trẻ em? Điều 16 có thể đặt tên là quyền gì của trẻ em? (Quyền được học tập)

Nội dung điều 17 nói lên những quyền gì của trẻ em? Điều 17 có thể

đặt tên là quyền gì của trẻ em? (Quyền được vui chơi, giải trí)

Đối với câu hỏi 3, GV cũng nên chia nhỏ câu hỏi và hỏi từng bốn phần của trẻ nêu trong mỗi mục. Chẳng hạn:

Mục 1 của điều 21 nêu lên bốn phần gì của trẻ em? (Có lòng nhân ái)

Mục 2 của điều 21 nêu lên bốn phần gì của trẻ em? (Có ý thức tự tu dưỡng, nâng cao năng lực của bản thân.)

Mục 3 của điều 21 nêu lên bốn phần gì của trẻ em? (Có tinh thần lao động, học tập)

Mục 4 của điều 21 nêu lên bốn phần gì của trẻ em? (Có đạo đức tác phong tốt)

Mục 5 của điều 21 nêu lên bốn phần gì của trẻ em? (Có lòng yêu nước và yêu hoà bình, đoàn kết quốc tế)

Thông qua trả lời các câu hỏi về bốn phần của trẻ em trong mỗi mục, HSĐT sẽ nắm được những bốn phần của trẻ em. Từ đó, các em biết được mình đã thực hiện được những bốn phần nào và chưa thực hiện được những bốn phần nào và dễ dàng trả lời được câu hỏi 4.

Đối với một số bài đọc, có câu hỏi suy luận HSĐT khó trả lời được, tương tự như các văn bản khác, GV cũng có thể chuyển câu hỏi tự luận trong SGK thành câu hỏi trắc nghiệm để HSĐT có thể tìm được câu trả lời đúng. VD: bài **Luật tục xưa của người Ê-đê** (TV5, tập 2). Câu hỏi 1: *Người xưa đặt ra luật tục để làm gì?* GV có thể chuyển câu hỏi trên thành câu hỏi trắc nghiệm đúng - sai như sau:

Người xưa đặt ra luật tục để làm gì? Đúng ghi Đ sai ghi S vào cuối mỗi ý sau:

a) Đảm bảo cho cuộc sống yên bình của buôn làng.

b) Đảm bảo cho việc tiếp tay cho địch.

c) Quy định cách xử phạt, nhân chứng, vật chứng.

Như vậy, đối với những bài đọc là văn bản hành chính, GV cần chú ý

đưa ra những câu hỏi đơn giản, ngắn gọn, giúp HS tìm hiểu nội dung bài tốt nhất và làm giảm tính khô khan của bài đọc. GV Cần tạo ra sự hấp dẫn của tiết học để thu hút hứng thú của HS. Nhưng đặc biệt, không khuyến khích HS phát huy khả năng trả lời sáng tạo.

2.2.2.5. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản thông tin, báo chí

Văn bản thông tin, báo chí cung cấp cho con người những nhận thức mới, những hiểu biết mới về một sự việc, hiện tượng nào đó bằng những văn bản ngắn gọn, khách quan tuân theo sự diễn biến của các sự vật, hiện tượng, sự kiện. Thông qua văn bản thông tin, báo chí, người đọc có thể thấy rõ quan điểm, thái độ, nhận thức, trình độ của người viết. Từ đó, ủng hộ, phê phán, đồng tình đối với những thông tin đưa ra. Đằng sau các thông tin đó, là tình cảm, thái độ, lập trường của người viết nhằm hướng dẫn, định hướng dư luận. Các thông tin đó, có tác động lớn đến nhận thức và tình cảm của người đọc, của HS. [7, tr.141]

Bài Tập đọc là văn bản thông tin, báo chí, cũng được đề cập ít trong SGK TV lớp 4, 5. VD: lớp 4 có các bài: Vẽ về cuộc sống an toàn, Tiếng cười là liều thuốc bổ...

Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản thông tin, báo chí cho HSĐT, phải là những câu hỏi cụ thể, rõ ràng, ngắn gọn dễ hiểu. Câu hỏi phải dựa vào nội dung, mức độ, diễn đạt, diễn biến, số lượng, tính chính xác của thông tin ; thái độ, tình cảm của người viết về các thông tin được phản ánh, tác dụng của thông tin giúp HS có những nhận thức đúng sai, mới mẻ nào đó sau khi tiếp xúc với các thông tin được đưa ra.

VD: Bài **Vẽ về cuộc sống an toàn** - TV 4, tập 2, trang 54, 55. Nội dung chính của bản tin là: Cuộc thi vẽ *Em muốn sống an toàn* được thiếu nhi cả nước hưởng ứng. Tranh dự thi cho thấy, các em có nhận thức đúng

về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông và biết thể hiện nhận thức của mình bằng ngôn ngữ hội thoại. Những câu hỏi trong SGK đưa ra rất cụ thể, ngắn gọn, rõ ràng và cũng dễ hiểu:

1. Chủ đề của cuộc thi vẽ là gì?
2. Thiếu nhi hưởng ứng cuộc thi như thế nào?
3. Điều gì cho thấy các em có nhận thức tốt về chủ đề cuộc thi?
4. Những nhận xét nào thể hiện sự đánh giá cao khả năng thẩm mỹ của các em?
5. Những dòng in đậm ở đầu bản tin có tác dụng gì?

Ta thấy, các câu hỏi trên đều là câu hỏi tìm ý, HS dễ dàng tìm được câu trả lời đúng. Tuy nhiên, câu hỏi 5 hơi khó nên GV có thể chia thành hai câu hỏi nhỏ:

Những dòng in đậm ở đầu bản tin gây ấn tượng cho người đọc nhằm mục đích gì? (thu hút và hấp dẫn người đọc).

Tóm tắt thật ngắn gọn bằng số liệu và những từ ngữ nổi bật có tác dụng gì đối với người đọc? (giúp người đọc nắm bắt nhanh những thông tin chính).

Tóm lại, đối với bài đọc là văn bản thông tin báo chí, GV không nên đưa ra những câu hỏi khái quát, trừu tượng. Đặt câu hỏi nên bám sát vào những thông tin đã đưa trong bài đọc. Tùy từng trình độ của HSĐT, mà GV đưa ra những câu hỏi cho phù hợp, vừa giúp HS trả lời đúng, vừa giúp HS phát triển tư duy logic, sáng tạo.

TIÊU KẾT

Từ thực tiễn cho thấy, việc đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc cho HS nói chung và HSĐT lớp 5 nói riêng là rất cần thiết. Không có hệ thống câu hỏi, HS không có chỗ dựa để hiểu biết đầy đủ từng bộ phận, từng nội dung của văn bản đọc. Câu hỏi giúp HS phát triển được tư duy sáng tạo, độc

lập từ thấp đến cao theo những định hướng có sẵn của người thiết kế. Tuy nhiên, GV phải chú ý xuất phát từ đặc trưng của từng thể loại bài cụ thể để có cách đặt câu hỏi gợi ý cho phù hợp (có thể là chia nhỏ hay thay đổi...).

Từ các vấn đề của thực tiễn đặt ra, chúng tôi đã đề xuất vận dụng 3 phương pháp tích cực trong dạy học đọc hiểu bài Tập đọc lớp 5: *Phương pháp đàm thoại (hỏi đáp)*, *Phương pháp luyện tập*, *Phương pháp phân tích ngôn ngữ* và 5 biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 theo thể loại văn bản. Đây là một số cách đặt câu hỏi cơ bản trong dạy học bài Tập đọc cho HSĐT lớp 5 mà cá nhân tôi đã vận dụng trong quá trình dạy học. Tuy còn khiêm tốn, nhưng một phần nào đó sẽ giúp ích cho quá trình dạy học của GV bớt khó khăn và mang lại hiệu quả cao hơn. Giúp cho HSĐT khắc phục được những mặt hạn chế của mình để các em tự tin hơn trong học tập và trong cuộc sống.

CHƯƠNG 3

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Một số vấn đề chung về thực nghiệm

3.1.1. Mục đích, nhiệm vụ thực nghiệm

3.1.1.1. Mục đích thực nghiệm

Mục đích thực nghiệm của đề tài luận văn là đề xuất một số biện pháp đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc cho HSĐT lớp 5 Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La.

3.1.1.2. Nhiệm vụ thực nghiệm

Để tiến hành thực nghiệm, luận văn đã tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

Chọn đối tượng thực nghiệm (GV dạy và HS tham gia thực nghiệm);
Biên soạn giáo án thực nghiệm;

Đề xuất hướng vận dụng các phương pháp và biện pháp dạy học tích cực để đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho học sinh dân tộc thiểu số Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La;

Đánh giá: Năng lực giải nghĩa từ khó trong bài Tập đọc; Năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi về bài Tập đọc.

Tổng hợp so sánh đối chiếu kết quả bước đầu thực nghiệm và rút ra tính khả thi của vấn đề nghiên cứu.

3.1.2. Nội dung và tiêu chí thực nghiệm

3.1.2.1. Nội dung thực nghiệm

Để kiểm chứng các biện pháp được đề xuất trong luận văn, chúng tôi đã tiến hành thiết kế và dạy thử nghiệm hai bài tập đọc: Bài Tập đọc: Đất nước - TV 5, tập 2 ; Một vụ đắm tàu - TV5 tập 2 tại Trường phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, với các nội dung như sau:

- Năng lực giải nghĩa từ khó trong bài Tập đọc;
- Năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi về bài Tập đọc.

3.1.2.2. Tiêu chí đánh giá thực nghiệm

Đánh giá thể nghiệm dựa trên năng lực giải nghĩa từ khó trong bài Tập đọc và năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi về bài Tập đọc

Với mỗi nội dung thể nghiệm, chúng tôi tiến hành thể nghiệm 60 học sinh và ở từng nội dung đều được cụ thể hoá thành các tiêu chí. Các tiêu chí được đánh giá theo mức độ: hoàn thành, hoàn thành tốt, chưa hoàn thành. Theo quy ước:

a. Năng lực giải nghĩa từ khó

- Mức độ *hoàn thành tốt*: Giải nghĩa được đúng, chính xác 3/3 từ khó trong bài (đoạn văn hoặc thơ)
- Mức độ: *hoàn thành*: Giải nghĩa đúng được 2/3 từ khó trong bài (đoạn văn hoặc thơ)
- Mức độ: *chưa hoàn thành*: Giải nghĩa được 1/3 từ khó trong bài (đoạn văn hoặc thơ) hoặc để giấy trống.

b. Năng lực trả lời câu hỏi trong bài Tập đọc

- Mức độ: hoàn thành tốt: Trả lời được 3 - 4/4 câu hỏi.
- Mức độ: hoàn thành: Trả lời được 2 - 3/3 câu hỏi.
- Mức độ: chưa hoàn thành: Trả lời được 1/4 câu hỏi.

3.1.3. Phương pháp thực nghiệm

Lập kế hoạch (từ tháng 10/2016 đến tháng 5/2017) và xây dựng mẫu phiếu khảo sát (phụ lục).

Xác định đối tượng khảo sát và tiến hành thể nghiệm.

Sau khi tiến hành dạy học ở 2 lớp, tác giả sử dụng phiếu hỏi để kiểm tra năng lực giải nghĩa từ khó và năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi về bài Tập đọc của HSĐT. Tiếp theo sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lí

những số liệu đã thu được. Cuối cùng, phân tích, tổng hợp, so sánh số liệu để đưa ra những kết luận cần thiết.

3.1.4. Thời gian, đối tượng và địa bàn thực nghiệm

- Đối tượng: Học sinh khối lớp 5:

Lớp thể nghiệm: Lớp 5A: 30 HS

Lớp đối chứng: Lớp 5B: 30 HS

- Mẫu nghiên cứu là 60 học sinh/ 2 lớp

- Thời gian: từ tháng 10/2016 đến tháng 5/2017

- Địa bàn: Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Bảng 3.1. : Đối tượng thể nghiệm khối lớp 5

Lớp	Tổng	Học lực		
		HTT (%)	HT (%)	CHT (%)
Thực nghiệm lớp 5A	30	21,88	62,49	15,63
Đối chứng lớp 5B	30	20	66,67	13,33

Nhìn vào bảng thông kê trên ta dễ dàng nhận thấy, lớp đối chứng và lớp thực nghiệm có số lượng HS như nhau. Các lớp đối chứng và lớp thực nghiệm có số lượng HSDTTS rất cao. Trình độ của HSDTTS lớp thực nghiệm và lớp đối chứng cũng tương đương nhau.

3.2. Thiết kế và đánh giá kết quả thực nghiệm

3. 2.1. Phân tích thiết kế thể nghiệm

3. 2.1.1. *Thiết kế 1:* Bài Tập đọc: Đất nước – Nguyễn Đình Thi, TV 5, tập 2 (tuần 27)

Chúng tôi thiết kế giáo án này với mục đích kiểm tra năng lực giải nghĩa từ khó và năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi của học sinh về bài Tập đọc;

Tiến hành thể nghiệm những nội dung sau: về đọc hiểu, giúp HS hiểu được nội dung của bài tập đọc : Bài thơ thể hiện niềm vui, niềm tự hào về đất nước tự do, tình yêu tha thiết của tác giả đối với đất nước, với truyền thống bất khuất của dân tộc; về giải nghĩa từ khó: hơi may, thu đã xa, bất khuất; các câu hỏi được sử dụng trong bài để thực hiện nội dung đó mang tính chất phát hiện, phân tích và khái quát.

Phần kiểm tra năng lực HS: giải nghĩa từ khó trong bài Tập đọc, gồm 3 từ : hơi may, thu đã xa, bất khuất.

Các phương pháp được sử dụng trong bài như sau: Phương pháp đàm thoại, phương pháp luyện tập, Phương pháp phân tích ngôn ngữ.

Các hình thức tổ chức dạy học: cá nhân, thảo luận nhóm đôi, nhóm bàn.

Đồ dùng dạy học được sử dụng trong bài gồm: Tranh minh họa bài tập đọc trong sách giáo khoa, bảng phụ ghi nội dung bài học đoạn văn đọc diễn cảm, bút dạ màu.

Quy trình: Thực hiện đúng tiến trình bài dạy tập đọc lớp 5, nhưng có sáng tạo phù hợp với HS DTTS tại Trường phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Cụ thể:

A. Phần kiểm tra bài cũ: hỏi về ý nghĩa của bài Tranh làng Hồ.

B. Phần bài mới

1. Giới thiệu bài

2. Luyện đọc đúng

- Đọc mẫu: giáo viên đọc

- Luyện đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1 kết hợp sửa lỗi phát âm cho học sinh: Những từ HS Mông hay sai: năm xưa, côm mới, chớm lạnh, thêm nắng, phấp phới....

- Luyện đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 2 kết hợp giải nghĩa từ khó hiểu và luyện đọc hai khổ thơ đầu.

+ GV đọc mẫu 2 khổ thơ: cho HS đọc và tự phát hiện cách ngắt nghỉ, sửa chữa.

-Yêu cầu HS luyện đọc trong nhóm bàn.

- Các nhóm thi đọc khổ 3,4

- GV đọc mẫu toàn bài sau khi HS đã luyện đọc.

3. Hướng dẫn tìm hiểu bài:

* *Giúp HS hiểu nghĩa của từ ngữ mới:*

- Các từ cần tìm hiểu: từ khó, từ chưa quen, từ chìa khoá: Hoi may, chưa bao giờ khuất, ngày thu đã xa, ...

- Cách tìm hiểu: đọc chú giải SGK, trao đổi thảo luận...

-Các biện pháp:

+ Trực quan

+ So sánh, đối chiếu

+ Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa

+ Đặt câu

+ Miêu tả đặc điểm...

* Giúp HS nắm vững câu hỏi (bài tập) tìm hiểu bài và lưu ý đối với

HSDTTS:

- HS đọc thầm, trình bày lại yêu cầu của câu hỏi.

- Những câu hỏi khó, khái quát có thể tách thành ý nhỏ hoặc thêm câu hỏi phụ.

- Tránh đặt thêm câu hỏi vượt quá yêu cầu (không tự nâng cao).

- HD HS tìm hiểu nhân vật, tình tiết, hình ảnh, nghĩa đen, nghĩa bóng, ý nghĩa bài.

Trong SGK đưa ra 4 câu hỏi:

1. “*Những ngày thu đã xa*” được miêu tả trong hai khổ thơ đầu đẹp mà buồn. Hãy tìm những từ ngữ nói lên điều đó.

2. Cảnh đất nước trong mùa thu mới được tả trong khổ thơ thứ ba đẹp như thế nào?

3. Lòng tự hào về đất nước tự do và về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?

4. Học thuộc lòng bài thơ.

- Đề HS hiểu bài và trả lời được các câu hỏi đó, trong bài học chúng tôi sử dụng hệ thống các câu hỏi như:

Em hiểu “những ngày thu đã xa” là những ngày thu như thế nào?

“Những ngày thu đã xa” được miêu tả trong hai khổ thơ đầu đẹp mà buồn. Hãy tìm những từ ngữ nói lên điều đó.

Em hãy cho biết câu thơ nào trong khổ thơ 1, 2 mang hình ảnh đặc sắc diễn tả tâm trạng lưu luyến của người dân thủ đô không muốn rời xa Hà Nội?

Cảnh đất nước trong mùa thu mới được tả trong khổ thơ thứ ba đẹp như thế nào?

Lòng tự hào về đất nước tự do của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?

Lòng tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?

Em hãy cho biết nội dung chính của bài thơ là gì?

Những câu hỏi trong SGK đưa ra là những câu hỏi hỏi về những chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong bài thơ và có câu hỏi yêu cầu HS học thuộc lòng bài thơ. Tuy nhiên, nếu chỉ sử dụng những câu hỏi này thôi, thì GV vẫn chưa

giúp HS cảm nhận được hết vẻ đẹp phơi phới của mùa thu và lòng tự hào khi đất nước được tự do, truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, GV cần đầu tư thời gian thiết kế thêm hệ thống câu hỏi gợi ý, để giúp HS hiểu và cảm thụ được những gì mà nhà thơ Nguyễn Đình Thi gửi gắm qua đoạn thơ. Chúng tôi thiết kế những câu hỏi như sau:

Trước khi yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, GV nên đưa ra câu hỏi phụ: *Em hiểu “những ngày thu đã xa” là những ngày thu như thế nào?* (Đó chính là mùa thu năm 1946, những người con Hà Nội phải rời thủ đô đi kháng chiến, để lại phố phường trong tay giặc, tâm trạng của họ rất lưu luyến, ngậm ngùi. Tác giả là một trong những người ra đi như vậy. Sống trong mùa thu kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc, trong niềm vui chiến thắng, tác giả nhớ lại kỉ niệm xưa.)

Sau khi HS trả lời được câu hỏi trên, các em sẽ hiểu hơn về cụm từ “những ngày thu đã xa” và có thể tìm được những từ ngữ, hình ảnh miêu tả “những ngày thu đã xa” đẹp mà buồn (sáng mát trong, gió thổi mùa thu hương cốm mới, chớm lạnh, xao xác hơi may, thêm nắng, lá rơi đầy, đầu không ngoảnh lại). GV có thể hỏi thêm: *Em hãy cho biết câu thơ nào trong khổ thơ 1, 2 mang hình ảnh đặc sắc diễn tả tâm trạng lưu luyến của người dân thủ đô không muốn rời xa Hà Nội?* (câu thơ: Người ra đi đầu không ngoảnh lại, Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy).

HS trả lời xong câu hỏi 2: *Cảnh đất nước trong mùa thu mới được tả trong khổ thơ thứ ba đẹp như thế nào?* (mùa thu mới vừa đẹp vừa vui: rừng tre phấp phới, trời thu thay áo mới, trong biếc, nói cười), GV nên hỏi thêm câu hỏi về biện pháp nghệ thuật tác giả đã sử dụng trong khổ thơ ba: *Tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì để tả thiên nhiên, đất trời trong mùa thu thắng lợi của kháng chiến?* (tác giả sử dụng biện pháp nhân hoá làm cho trời cũng biết thay áo, cũng nói cười như con người để thể hiện niềm vui phơi

phối, rộn ràng của thiên nhiên, đất trời trong mùa thu thắng lợi của cuộc kháng chiến.)

Đối với câu hỏi 3: *Lòng tự hào về đất nước tự do và về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?* Câu hỏi này hơi dài nên GV có thể chia thành 2 câu hỏi: *Lòng tự hào về đất nước tự do của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?* (được thể hiện qua những điệp từ: đây là của chúng ta, những) ; *Lòng tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?* (chưa bao giờ khuất, rì rào trong tiếng đất, vọng nói về).

Cuối cùng, GV đặt câu hỏi tổng quát để HS rút ra ý nghĩa của bài thơ: *Em hãy cho biết nội dung chính của bài thơ là gì?* (bài thơ thể hiện niềm vui, niềm tự hào về đất nước tự do, tình yêu tha thiết của tác giả đối với đất nước, với truyền thống bất khuất của dân tộc.)

4. Luyện đọc diễn cảm:

- GV đọc mẫu toàn bài, HS nghe và phát hiện giọng đọc: Đọc bài thơ với giọng trầm lắng, cảm hứng ca ngợi, tự hào về đất nước.

- Gv hướng dẫn HS đọc diễn cảm khổ thơ: (cách nhấn giọng, ngắt nhịp thơ)

Mùa thu nay/ **khác rồi**

Tôi đứng **vui nghe**/ giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre/ **phấp phới**

Trời thu/ **thay áo mới**

Trong biếc/ nói cười **thiết tha**.

- HS đọc nhắm thuộc từng khổ thơ.

- HS thi học thuộc lòng từng khổ thơ, cả bài thơ.

C. Củng cố dặn dò

- Hs nhắc lại ý nghĩa của bài thơ.

-Gv nhận xét tiết học, dặn HS về nhà học thuộc lòng bài thơ.

3.2.1.2. *Thiết kế 2*: Bài Tập đọc: Một vụ đắm tàu – theo A-mi-xi, TV 5, tập 2 (tuần 29)

- Chúng tôi thiết kế giáo án này với mục đích kiểm tra năng lực giải nghĩa từ khó và năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi của học sinh về bài Tập đọc;

- Tiến hành thử nghiệm những nội dung sau: về đọc hiểu, giúp HS hiểu được nội dung của bài tập đọc : Ca ngợi tình bạn giữa Ma-ri-ô và Giu-li-et-ta, sự ân cần, dịu dàng của giu-li-et-ta, đức hi sinh cao thượng của cậu bé ma-ri-ô; về giải nghĩa từ khó: bao lon, bàng hoàng, sững sờ; các câu hỏi được sử dụng trong bài để thực hiện nội dung đó mang tính chất phát hiện, phân tích và khái quát.

- Phần kiểm tra năng lực HS: giải nghĩa từ khó trong bài Tập đọc, gồm 3 từ: bao lon, bàng hoàng, sững sờ.

- Các phương pháp được sử dụng trong bài như sau: Đàm thoại, luyện tập, đóng vai,

- Các hình thức tổ chức dạy học: cá nhân, nhóm, phân vai,...

- Đồ dùng dạy học được sử dụng trong bài gồm: Tranh minh họa chủ đề và bài tập đọc trong sách giáo khoa, bảng phụ ghi nội dung bài học đoạn văn đọc diễn cảm, bút dạ màu.

- Quy trình: Thực hiện đúng tiến trình bài dạy tập đọc lớp 5, nhưng có sáng tạo phù hợp với HS DTTS tại Trường phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Cụ thể:

A. Phần kiểm tra bài cũ

B. Phần bài mới

1. Giới thiệu bài

2. Luyện đọc đúng

- Đọc mẫu: giáo viên đọc

- Luyện đọc các từ phiên âm nước ngoài: Li-vơ-pun, Ma-ri-ô, Giu-li-et-ta.

- Chia đoạn: Bài chia 5 đoạn

- Luyện đọc nối tiếp đoạn lần 1 kết hợp sửa lỗi phát âm cho học sinh:

Những từ HS Mông hay sai: lao ra, nặng lắm, bàng hoàng,

- Luyện đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ khó hiểu và luyện đọc câu văn dài.

+ GV đọc mẫu câu văn dài: cho HS đọc và tự phát hiện cách ngắt nghỉ, sửa chữa.

-Yêu cầu HS luyện đọc trong nhóm bàn.

- Các nhóm thi đoạn 3

- GV đọc mẫu toàn bài sau khi HS đã luyện đọc.

3. Hướng dẫn tìm hiểu bài:

* **Giúp HS hiểu nghĩa của từ ngữ mới:**

- Các từ cần tìm hiểu: từ khó, từ chưa quen, từ chìa khoá: bao lon, bàng hoàng, sững sờ.

- Cách tìm hiểu: đọc chú giải SGK, trao đổi thảo luận...

-Các biện pháp:

+ Trực quan

+ So sánh, đối chiếu

+ Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa

+ Đặt câu

+ Miêu tả đặc điểm...

* **Giúp HS nắm vững câu hỏi (bài tập) tìm hiểu bài và lưu ý đối với**

HSDTTS:

- HS đọc thầm, trình bày lại yêu cầu của câu hỏi.

- Những câu hỏi khó, khái quát có thể tách thành ý nhỏ hoặc thêm câu hỏi phụ.

- Tránh đặt thêm câu hỏi vượt quá yêu cầu (không tự nâng cao).

- HD HS tìm hiểu nhân vật, tình tiết, hình ảnh, nghĩa đen, nghĩa bóng, ý nghĩa bài.

Trong SGK đã đưa ra 4 câu hỏi như sau:

1. *Nêu hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta.*

2. *Giu-li-ét-ta chăm sóc Ma-ri-ô như thế nào khi bạn bị thương?*

3. *Quyết định nhường bạn xuống xuống cứu nạn của Ma-ri-ô nói lên điều gì về cậu bé?*

4. *Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong truyện.*

- Đề HS hiểu bài và trả lời được các câu hỏi đó , trong bài học chúng tôi sử dụng hệ thống các câu hỏi như:

Nêu hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta.

Chi tiết Ma-ri-ô không kể gì về cậu mặc dù bố cậu mới mất thể hiện cậu là một người thế nào?

Tâm trạng vui mừng của Giu-li-ét-ta vì sắp được gặp lại bố mẹ thể hiện tính cách gì của cô bé?

Chuyện gì đã xảy ra khi Ma-ri-ô định chúc bạn ngủ ngon?

Giu-li-ét-ta chăm sóc Ma-ri-ô như thế nào khi bạn bị thương?

Tai nạn bất ngờ xảy ra như thế nào?

Thái độ của Giu-li-ét-ta như thế nào khi người trên xuống muốn nhận đứa nhỏ hơn là Ma-ri-ô?

Lúc đó Ma-ri-ô đã phản ứng thế nào?

Quyết định nhường bạn xuống xuống cứu nạn của Ma-ri-ô nói lên điều gì về cậu bé?

Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong truyện.

Câu chuyện ca ngợi điều gì?

Qua bài em học được đức tính gì của các nhân vật trong chuyện?

Một trong những mục tiêu của chủ điểm Nam và Nữ là HS biết được về sự bình đẳng giới, vẻ đẹp riêng về tính cách của mỗi giới. Và một trong những mục tiêu của bài đọc là giúp HS hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: ca ngợi tình bạn giữa Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta; sự ân cần dịu dàng của Giu-li-ét-ta; đức hi sinh cao thượng của Ma-ri-ô. Chính vì vậy, khi hướng dẫn HS tìm hiểu bài, GV cần chú ý đặt những câu hỏi về những chi tiết, hành động nói lên tính cách của các nhân vật để HS nắm được tính cách của từng nhân vật, từ đó tìm ra được nội dung chính của bài đọc.

Ta thấy, những câu hỏi mà SGK đưa ra là những câu hỏi định hướng HS tìm hiểu về những nội dung trọng tâm của bài, giúp HS có thể rút ra nội dung chính của bài. Tuy nhiên, để HS có thể hiểu sâu sắc nội dung bài hơn thì GV có thể thiết kế thêm hệ thống câu hỏi phụ. Chẳng hạn:

Câu hỏi 1 là câu hỏi tìm ý, sau khi GV đặt câu hỏi, HS có thể trả lời được hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta là: Ma-ri-ô về quê sống với họ hàng còn Giu-li-ét-ta, cô đang trên đường về nhà và rất vui vì sắp được gặp lại bố mẹ. Nếu GV chỉ hỏi HS và HS trả lời rồi dừng câu hỏi ở đây thôi, thì HS vẫn chưa nắm được tính cách của hai nhân vật trong chuyện. Vì vậy, GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ như sau:

Chi tiết Ma-ri-ô không kể gì về cậu mặc dù bố cậu mới mất thể hiện cậu là một người thế nào? Khi GV đặt câu hỏi như vậy, HS có thể trả lời được: cậu bé là một chàng trai rất kín đáo. Đây cũng chính là nét tính cách điển hình của nam giới. Vậy là, GV đã giúp HS không những hiểu kỹ hơn về tính cách của nhân vật mà còn giúp GV đạt được mục tiêu chủ điểm đã đưa ra.

Tâm trạng vui mừng của Giu-li-ét-ta vì sắp được gặp lại bố mẹ thể hiện tính cách gì của cô bé? Thể hiện cô bé rất hồn nhiên, đây cũng chính là nét

tính cách điển hình của nữ giới.

Trước khi hỏi câu hỏi 2 trong SGK, GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ để dẫn dắt HS và giúp các em nắm được diễn biến tiếp theo của câu chuyện như: *Chuyện gì đã xảy ra khi Ma-ri-ô định chúc bạn ngủ ngon?* (HS trả lời: Khi Ma-ri-ô định chúc bạn ngủ ngon thì một ngọn sóng lớn ập tới, xô cậu ngã dúi.)

Sau khi HS trả lời được câu hỏi 2: *Giu-li-ét-ta chăm sóc Ma-ri-ô như thế nào khi bạn bị thương?* (Giu-li-ét-ta hoảng hốt chạy lại. Cô quỳ xuống bên Ma-ri-ô, lau máu trên trán bạn, rồi dịu dàng gỡ chiếc khăn đỏ trên mái tóc băng cho bạn.), GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ: *Hành động đó nói lên tính cách gì của Giu-li-ét-ta?* (Giu-li-ét-ta là một cô bé ân cần, dịu dàng, nhân hậu, sẵn lòng giúp đỡ người khác).

Trước khi hỏi câu hỏi số 3 trong SGK, GV có thể đưa ra những câu hỏi phụ như: *Tại nạn bất ngờ xảy ra như thế nào?* (con bão dữ dội nổi lên, sóng phá thủng thân tàu, nước phun vào khoang, ngập các bao lon, con tàu chìm dần giữa biển khơi) ; *Thái độ của Giu-li-ét-ta như thế nào khi người trên xuống muốn nhận đứa nhỏ hơn là Ma-ri-ô?* (sững sờ, buông thõng hai tay, đôi mắt tuyệt vọng) ; *Lúc đó Ma-ri-ô đã phản ứng thế nào?* (cậu quyết định nhường Giu-li-ét-ta xuống xuống cứu nạn).

Sau khi HS trả lời được 3 câu hỏi phụ trên, GV mới hỏi câu hỏi 3: *Quyết định nhường bạn xuống xuống cứu nạn của Ma-ri-ô nói lên điều gì về cậu bé?* (cậu là người có tâm hồn cao thượng, đã nhường sự sống cho bạn, nhận lấy cái chết về mình, cậu đã hi sinh bản thân vì bạn).

Khi HS trả lời được câu hỏi này, GV có thể giảng thêm: phải đặt mình trong hoàn cảnh buộc phải lựa chọn sự sống hay cái chết, ta mới thấy được hành động cao thượng của cậu bé Ma-ri-ô, mới 12 tuổi. Lẽ ra cậu được xuống xuống cứu nạn vì cậu nhỏ hơn, nhưng nhìn thấy vẻ mặt thần thờ, tuyệt vọng của Giu-li-ét-ta, một ý nghĩ vụt đến, Ma-ri-ô đã nhường sự sống cho bạn,

nhận cái chết về mình. Đó là một hành động cao thượng đáng khâm phục.

Với những câu hỏi GV đưa ra như trên, chỉ sau khi trả lời xong câu hỏi 3, là HS đã hiểu sâu sắc nội dung câu chuyện và nắm được những tính cách điển hình của 2 nhân vật chính. Từ đây, HS dễ dàng trả lời được câu hỏi số 4: *Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong truyện.* Mặc dù, đây là câu hỏi tương đối khó, nhưng vì HS đã hiểu rõ tính cách của hai nhân vật nên các em có thể nêu được cảm nghĩ của mình về nhân vật.

Cuối cùng, GV có thể đưa ra câu hỏi tổng quát để HS rút ra nội dung chính của bài: *Câu chuyện ca ngợi điều gì?* (Câu chuyện ca ngợi tình bạn giữa Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta; sự ân cần dịu dàng của Giu-li-ét-ta; đức hi sinh cao thượng của Ma-ri-ô.)

Kết thúc bài học, GV có thể đưa ra một số câu hỏi giúp HS liên hệ với bản thân. VD: *Qua bài em học được đức tính gì của các nhân vật trong chuyện?*

4. Luyện đọc diễn cảm:

- GV đọc mẫu toàn bài, HS nghe và phát hiện giọng đọc
- Gv hướng dẫn HS đọc phân vai đoạn cuối: (cách nhấn giọng, ngắt nhịp thơ)

- Các nhóm thi đọc phân vai đoạn cuối

C. Củng cố dặn dò

- Hs nhắc lại ý nghĩa của bài văn.

- Gv nhận xét tiết học, dặn HS về nhà luyện đọc thêm.

3.2.2. Đánh giá kết quả thực nghiệm

Kết quả thể nghiệm được tính dựa trên mức độ mà HSĐT đạt được sau khi làm phiếu bài tập, kết quả cụ thể như sau:

3.2.2.1. Năng lực giải nghĩa từ khó trong bài Tập đọc

Bảng 3.2: Tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực giải nghĩa từ khó của học sinh (Bài Tập đọc: Đất nước – Nguyễn Đình Thi)

STT	Từ khó cần giải nghĩa	Lớp	SLHS	Mức độ		
				HTT (%)	HT (%)	CHT (%)
1	hơi may	5A	30	31,25	62,5	6,25
		5B	30	16,67	70,00	13,33
2	ngày thu đã xa	5A	30	28,13	68,75	3,12
		5B	30	20,00	70,00	10,00
3	bất khuất	5A	30	25,00	68,75	6,25
		5B	30	13,33	66,67	20,00

Nhìn vào kết quả bảng tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực giải nghĩa từ khó của học sinh cho thấy năng lực giải nghĩa từ khó của HS ở lớp thực nghiệm tốt hơn HS ở lớp ĐC.

Bảng 3.3: Tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực giải nghĩa từ khó của học sinh (Bài Tập đọc: Một vụ đắm tàu)

STT	Từ khó cần giải nghĩa	Lớp	SLHS	Mức độ		
				HTT (%)	HT (%)	CHT (%)
1	bao lơn	5A	30	34,38	65,62	0,00
		5B	30	16,67	70,00	13,33
2	bàng hoàng	5A	30	31,25	62,50	6,25
		5B	30	23,33	70,00	6,67
3	sững sờ	5A	30	28,13	65,72	6,25
		5B	30	13,33	66,67	20,00

Nhìn vào kết quả bảng tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực giải nghĩa từ khó của học sinh cho thấy năng lực giải nghĩa từ khó của HS ở lớp thực nghiệm tốt hơn HS ở lớp ĐC.

3.2.2.2. Năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi về bài Tập đọc

Bảng 3.4: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực trả lời câu hỏi trong bài Tập đọc: Đất nước – Nguyễn Đình Thi

STT	Nội dung câu hỏi	Lớp	SLHS	Mức độ		
				HTT (%)	HT (%)	CHT (%)
1	“Những ngày thu đã xa” được miêu tả trong hai khổ thơ đầu đẹp mà buồn. Hãy tìm những từ ngữ nói lên điều đó.	5A	30	37,50	59,37	3,13
		5B	30	20,00	63,33	16,67
2	Cảnh đất nước trong mùa thu mới được tả trong khổ thơ thứ ba đẹp như thế nào?	5A	32	34,38	65,62	0
		5B	30	23,33	73,34	3,33
3	Lòng tự hào về đất nước tự do và về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những	5A	30	31,25	62,50	6,25
				16,67	70,00	13,33

	từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?	5B	30			
--	--	----	----	--	--	--

Từ kết quả thực nghiệm chúng ta nhận thấy, nhờ có hệ thống câu hỏi phụ gợi ý mà HS hiểu được sâu sắc nội dung bài đọc, nên mức độ hoàn thành tốt của HSĐT ở lớp thực nghiệm đạt được qua phiếu bài tập cao hơn các em ở lớp GV chỉ sử dụng câu hỏi trong SGK để hướng dẫn HS tìm hiểu bài. Đồng thời tỉ lệ HSĐT chưa hoàn thành ở lớp thực nghiệm thấp hơn so với lớp đối chứng. Sự chênh lệch đó thể hiện rõ hiệu quả của việc thiết kế câu hỏi tìm hiểu bài theo đặc trưng của từng thể loại văn bản bài đọc. Kết thúc tiết học các em HS giỏi ở lớp thực nghiệm có thể đọc diễn cảm rất tốt. Với bài **Đất nước**, các em đọc đúng nhịp và thể hiện được cảm xúc của tác giả, đặc biệt có rất nhiều HS đã thuộc bài thơ ngay tại lớp. HSĐT biết đọc diễn cảm và thuộc được bài thơ như vậy chính là nhờ các em đã hiểu thấu đáo nội dung bài đọc, qua đó phần nào cảm nhận được cái hay, cái đẹp và tình cảm của tác giả gửi gắm qua bài thơ.

Bảng 3.5: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát lớp TN và lớp ĐC về năng lực đọc hiểu qua trả lời câu hỏi trong bài Tập đọc : Một vụ đắm tàu

STT	Nội dung câu hỏi	Lớp	SLHS	Mức độ		
				HTT (%)	HT (%)	CHT (%)
1	Nêu hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta.	5A	30	34,38	65,62	0,00
				16,67	70,00	13,33

		5B	30			
2	Giu-li-ét-ta chăm sóc Ma-ri-ô như thế nào khi bạn bị thương?	5A	30	40,63	59,37	0,00
		5B	30	26,67	63,33	10,00
3	Quyết định nhường bạn xuống xuống cứu nạn của Ma-ri-ô nói lên điều gì về cậu bé?	5A	30	28,13	68,75	3,12
		5B	30	20	73,33	6,67
4	Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong truyện.	5A	30	31,25	65,72	9,38
		5B	30	16,67	70	13,33

Từ kết quả thực nghiệm chúng ta nhận thấy, nhờ có hệ thống câu hỏi phụ gợi ý mà HS hiểu được sâu sắc nội dung bài đọc, nên mức độ hoàn thành tốt của HS ở lớp thực nghiệm đạt được qua phiếu bài tập cao hơn các em ở lớp GV chỉ sử dụng câu hỏi trong SGK để hướng dẫn HS tìm hiểu bài. Sự chênh lệch đó thể hiện rõ hiệu quả của việc thiết kế câu hỏi tìm hiểu bài theo đặc trưng của từng thể loại văn bản bài đọc. Kết thúc tiết học HS ở lớp thực

thực nghiệm có thể đọc phân vai rất tốt vì các em hiểu được tính cách của từng nhân vật. Đáng chú ý hơn là ở số HSĐT đạt mức hoàn thành chiếm số lượng lớn. Các em này đã hiểu được nội dung của bài, xác định được đúng giọng đọc của bài, nên đọc bài tương đối diễn cảm, trả lời các câu hỏi một cách lưu loát và chính xác. Ngược lại, số lượng HSĐT đạt mức chưa hoàn thành ở lớp thực nghiệm thấp hơn hẳn so với lớp đối chứng.

Thử nghiệm hai bài tập đọc ở hai lớp trên, chúng tôi đã kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như: phương pháp hỏi đáp; phương pháp phân tích ngôn ngữ; phương pháp thảo luận nhóm; phương pháp thực hành luyện tập; và các biện pháp dạy đọc hiểu theo thể loại văn bản qua hệ thống câu hỏi... Kết quả thử nghiệm cho thấy ở lớp thử nghiệm các nội dung khảo sát đều đạt kết quả cao hơn lớp đối chứng. Điều đó chứng tỏ các đề xuất của đề tài đã đi đúng hướng, phù hợp với đối tượng...

TIỂU KẾT

Thiết kế hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc cho HSĐT 5, rất quan trọng và cần thiết, nó vừa giúp HS hiểu được bài một cách thuận lợi hơn vừa tạo cơ hội cho nhiều HS được trả lời, qua đó rèn kỹ năng diễn đạt, tâm lý tự tin cho HS. Tuy nhiên, đó không phải là yếu tố duy nhất dẫn đến sự thành công của giờ giảng, GV cần biết kết hợp linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học cùng với lòng nhiệt tình, tâm huyết với nghề.

Các biện pháp đặt câu hỏi đã đề xuất ở trên cũng như quá trình thử nghiệm mới chỉ là bước đầu tìm hiểu, khám phá, tập dượt trong công tác nghiên cứu. Những kết quả thu được sau khi thực nghiệm đã cho thấy tính hiệu quả của các giải pháp đề xuất trong luận văn. Hi vọng, đó là những ý kiến tham khảo cho các bạn sinh viên, các thầy cô đang trực tiếp giảng dạy phân môn Tập đọc, nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng

Việt nói riêng, chất lượng giáo dục tiểu học nói chung.

PHẦN KẾT LUẬN

Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc cho HSĐT lớp 5 là một vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Hệ thống câu hỏi là điểm tựa cho HSĐT tìm hiểu nội dung bài đọc, qua đó cảm nhận được tư tưởng, tình cảm tác giả gửi gắm trong bài đọc. Nhờ hiểu sâu sắc nội dung bài đọc, để rồi các em đọc diễn cảm bài đọc, đây cũng chính là mục tiêu cao nhất mà mọi GV đều hướng tới trong giờ Tập đọc.

Trong quá trình làm đề tài luận văn "Đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc lớp 5 cho học sinh dân tộc thiểu số Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La", tác giả đã tiến hành đọc và nghiên cứu nội dung chương trình Tập đọc nói chung và đi sâu tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi tiểu học, những điểm khác biệt khi học TV của HS người Kinh và HSĐT, những khái niệm cơ bản, những lỗi mà HSĐT hay mắc phải, đặc trưng của một số thể loại văn bản dùng trong chương trình giáo dục Tiểu học.

Xuất phát từ thực trạng dạy học Tập đọc nói chung và đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc cho HSĐT lớp 5 nói riêng ở một số trường tiểu học, tôi thấy GV còn chưa nhận thức đúng đắn vai trò của hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc. Do đó, chất lượng dạy học Tập đọc nói chung và dạy đọc hiểu nói riêng chưa đạt hiệu quả cao, HSĐT chưa nắm được nội dung bài nên đọc diễn cảm bài đọc chưa tốt.

Trên cơ sở đó, tôi đã hệ thống và đề xuất một số biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học bài Tập đọc cho HSĐT 5 nhằm nâng cao hiệu quả dạy đọc hiểu, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy đọc diễn cảm trong dạy học Tập đọc. Luận văn đã đề xuất vận dụng 3 phương pháp tích cực trong dạy học đọc hiểu bài Tập đọc lớp 5: *Phương pháp đàm thoại (hỏi đáp)*, *Phương pháp luyện tập*, *Phương pháp phân tích ngôn ngữ* và 5 biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học

bài Tập đọc lớp 5 theo thể loại văn bản. Đó là các biện pháp đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là: văn xuôi, thơ, văn bản khoa học, văn bản hành chính, văn bản thông tin, báo chí.

Để chứng minh tính khả thi của đề tài, tác giả đã tiến hành soạn giáo án và dạy thực nghiệm ở trường tiểu học và bước đầu cũng đã thấy hiệu quả của việc đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc.

Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là một vấn đề rộng lớn và có giá trị thực tiễn. Trong khuôn khổ của đề tài và khả năng của bản thân, tôi chỉ đưa ra một số biện pháp đặt câu hỏi cơ bản nhất cho một số thể loại văn bản đọc thường được đề cập đến trong phân môn Tập đọc ở lớp 5, chưa có sự xem xét kỹ lưỡng đến tất cả các thể loại văn bản trong chương trình.

Mặc dù, đã đầu tư thời gian và cố gắng tìm tòi, nghiên cứu tài liệu để làm đề tài, nhưng cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn sinh viên để nội dung đề tài thêm đầy đủ và hoàn chỉnh hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A (chủ biên) (1995), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
2. Allan Peas (1994), *Ngôn ngữ của cử chỉ, ý nghĩa của cử chỉ trong giao tiếp*, NXB Đà Nẵng.
3. Đặng Tự Ân (2014), *Mô hình trường học mới Việt Nam. Hỏi – Đáp*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Trương Thị Bích (2015), *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN)*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học*, NXB Giáo dục.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2004), *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc bậc tiểu học* NXB Giáo dục.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Hướng dẫn học Tiếng Việt 3 (sách thử nghiệm) Tập 1A*, NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Hướng dẫn học Tiếng Việt 3 (sách thử nghiệm) Tập 2A*, NXB Giáo dục Việt Nam.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ Giáo dục Tiểu học – Dự án Mô hình trường học mới Việt Nam (2013), *Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các trường thực hiện mô hình trường học mới Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ Giáo dục Tiểu học – Dự án Mô hình trường học mới Việt Nam (2013), *Tài liệu Hướng dẫn học Tiếng Việt 3*, NXB Giáo dục Việt Nam.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới tại Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
13. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014.
14. Chỉ thị 14/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nghị quyết số 40/2000/QH10 về đổi mới giáo dục phổ thông.
15. Nguyễn Việt Chung (2014), tác giả đề tài *Biện pháp sử dụng trò chơi học tập trong dạy học Tiếng Việt 4 ở trường tiểu học Quyết Tâm, thành phố Sơn La - Sơn La*, thông tin khoa học trường ĐHTB.
16. Nguyễn Thị Dần – Phó hiệu trưởng Trường tiểu học Đoàn Bái 1 (2014), *Đánh giá thực hiện thí điểm mô hình trường học mới ở Việt Nam (VNEN)*, Báo điện tử.
17. Nguyễn Thị Đào (2014), tác giả đề tài *Một số kỹ năng tổ chức dạy học theo nhóm mô hình trường học mới VNEN*, trường tiểu học Nguyễn Trãi thành phố Buôn Ma Thuột năm học 2013 – 2014.
18. Hà Nguyễn Kim Giang (2012), *Phương pháp đọc diễn cảm*, NXB Đại học Sư phạm.
19. Tác phẩm *Hồ Chí Minh toàn tập* (1995), NXB Chính trị Quốc gia.
20. TS. Trần Thị Thanh Hồng (2015), *Giải pháp nâng cao năng lực cảm thụ văn học cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học ở trường Đại học Tây Bắc*, thông tin khoa học trường ĐHTB.
21. TS. Trần Thị Thanh Hồng (2015), *Một số vấn đề đổi mới đánh giá kết quả học tập môn tiếng Việt ở tiểu học theo mô hình Trường học mới tại Việt Nam*, thông tin khoa học trường ĐHTB.
22. Bùi Văn Huệ - Phan Thị Hạnh Mai – Nguyễn Xuân Thúc (2008), *Giáo trình tâm lý học tiểu học*, NXB Đại học sư phạm.
23. Hà Thị Hương (2009), tác giả đề tài *Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng*

đọc diễn cảm cho học sinh lớp 4-5 trường tiểu học Chiềng Sinh – Sơn La, thông tin khoa học trường ĐHTB.

24. Lưu Thị Lan (2014), *Mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN)*, Tạp chí Gia đình và Trẻ em.
25. Hoàng Thị Tuyết Mai (2013), tác giả đề tài *Biện pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Việt ở tiểu học*, thông tin khoa học trường ĐHTB.
26. Nguyễn Thị Minh (2010), tác giả khóa luận *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy nghĩa từ và mở rộng vốn từ trong phân môn luyện từ và câu lớp 2-3*, thông tin khoa học trường ĐHTB.
27. Lê Phương Nga (2001), *Dạy học Tập đọc ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
28. Lê Phương Nga - Đặng Kim Nga (2007), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học - Tài liệu đào tạo giáo viên* - Nxb Giáo dục.
29. GS. TS. Lê Phương Nga (chủ biên) – Lê A – Lê Hữu Tĩnh – Đỗ Xuân Thảo (2007), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học tập 1 (tái bản)*, NXB Đại học Sư phạm.
30. GS. TS. Lê Phương Nga (2011), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II*, NXB đại học sư phạm.
31. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.
32. Nghị quyết số 02/NQ/TW tháng 12 năm 1996 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về định hướng chiến lược Giáo dục và Đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.
33. Đàm Hồng Quỳnh (2003), *Hướng dẫn sử dụng và tự làm thiết bị dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học*, NXB Giáo dục.
34. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*” số 201/2001/QĐ – TTg ngày 28/10/2001.
35. Nguyễn Thị Sang (2013), tác giả đề tài *Một số biện pháp bồi dưỡng khả*

năng cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học, thông tin khoa học trường ĐHTB.

36. *Dạy học ở một số trường tiểu học tỉnh Sơn La, thông tin khoa học trường ĐHTB.*

37. Hoàng Văn Thung – Đỗ Xuân Thảo (2006), *Bồi dưỡng và nâng cao Tiếng Việt tiểu học lớp 3,4 (tập 1 và 2)*, NXB Giáo dục.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT DÙNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC PHIẾU ĐIỀU TRA NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ HỨNG THÚ CỦA HSĐT KHI HỌC PHÂN MÔN TẬP ĐỌC

Họ và tên HS:.....Lớp:.....

Dân tộc:.....Giới tính.....

Mời các em tham gia trả lời các câu hỏi sau bằng cách, em hãy khoanh tròn vào đáp án mà các em lựa chọn trong số các đáp án đã cho sẵn.

Câu 1. Em cảm thấy thế nào khi học phân môn Tập đọc?

- A. Rất hứng thú
- B. Hứng thú
- C. Không hứng thú

Câu 2. Các em thường gặp khó khăn trong phần nào của giờ Tập đọc?

- A. Luyện đọc đúng
- B. Tìm hiểu bài
- C. Đọc diễn cảm

Câu 3. Các em thường khó trả lời được loại câu hỏi nào?

- A. Câu hỏi tìm
- B. Câu hỏi tóm lược nội dung
- C. Câu hỏi suy luận

Câu 4. Các em thấy dạng câu hỏi nào dễ trả lời hơn?

- A. Dạng câu hỏi tự luận
- B. Dạng câu hỏi trắc nghiệm

Câu 5. Các em có được dạy các bài Tập đọc theo đặc trưng của từng thể loại văn bản không?

- A. Có
- B. không

Cảm ơn các em đã tham gia trả lời câu hỏi, chúc các em học tốt.

PHỤ LỤC 2
PHIẾU KHẢO SÁT DÙNG CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC
PHIẾU ĐIỀU TRA THỰC TRẠNG ĐẶT CÂU HỎI TRONG
TÌM HIỂU BÀI TẬP ĐỌC

Họ và tên:.....

Dân tộc:..... Giới tính:.....

Giảng dạy lớp:.....Số năm công tác.....Trình độ.....

Kính mời thầy cô tham gia trả lời các câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời mà thầy cô lựa chọn.

Câu 1. Các thầy cô thấy tầm quan trọng của phân môn Tập đọc như thế nào?

- A. Rất quan trọng
- B. Quan trọng
- C. Không quan trọng

Câu 2. Thầy cô thấy việc thiết kế hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc quan trọng như thế nào?

- A. Rất quan trọng
- B. Quan trọng
- C. Không quan trọng

Câu 3. Thầy cô thường sử dụng câu hỏi như thế nào trong phần tìm hiểu bài?

- A. Chỉ sử dụng câu hỏi trong SGK
- B. Có thể chia nhỏ câu hỏi trong SGK hoặc thiết kế thêm một số câu hỏi

Câu 4. Thầy cô thường sử dụng dạng câu hỏi nào trong phần tìm hiểu bài?

- A. Câu hỏi tự luận
- B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 5. Mục tiêu cao nhất mà thầy cô hướng tới trong giờ Tập đọc là gì?

- A. HS đọc đúng

B. HS hiểu nội bài

C. HS biết đọc diễn cảm

Cảm ơn các thầy cô đã tham gia trả lời câu hỏi, chúc thầy cô mạnh khỏe công tác tốt.

PHỤ LỤC 3

PHIẾU KHẢO SÁT VỀ NĂNG LỰC GIẢI NGHĨA TỪ KHÓ CỦA HỌC SINH TRONG BÀI TẬP ĐỌC ĐẤT NƯỚC

Họ và tên HS:.....Lớp:.....

Dân tộc:.....Giới tính.....

Em đã được đọc và tìm hiểu bài tập đọc Đất nước của Nguyễn Đình Thi, hãy giải nghĩa ba từ và cụm từ sau: **Hoi may, Những ngày thu đã xa, bất khuất.**

Trả lời

Hoi may có nghĩa là:

.....

.....

.....

Những ngày thu đã xa có nghĩa là:.....

.....

.....

.....

.....

Bất khuất có nghĩa là:.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 4

PHIẾU KHẢO SÁT VỀ NĂNG LỰC GIẢI NGHĨA TỪ KHÓ CỦA HỌC SINH TRONG BÀI TẬP ĐỌC MỘT VỤ ĐẮM TÀU

Họ và tên HS:.....Lớp:.....

Dân tộc:.....Giới tính.....

Em đã được đọc và tìm hiểu bài tập đọc Một vụ đắm tàu theo A-mi-xi, hãy giải nghĩa ba từ và cụm từ sau: **bao lơn, bàng hoàng, sững sờ.**

Trả lời

Bao lơn có nghĩa là:

.....

.....

.....

Bàng hoàng có nghĩa là:.....

.....

.....

.....

.....

Sững sờ có nghĩa là:.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 7
THIẾT KẾ GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

TẬP ĐỌC

Bài 54: Đất nước

(Nguyễn Đình Thi)

A. MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng ca ngợi tự hào.
- Hiểu ý nghĩa bài thơ : Thể hiện niềm vui và tự hào về một đất nước tự do, tình yêu tha thiết của tác giả đối với đất nước, với truyền thống bất khuất của dân tộc.
- Trả lời được các câu hỏi trong sách giáo khoa và thuộc lòng 3 khổ thơ cuối.
- Hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, yêu môn học.

B. ĐỒ DÙNG

- GV: Tranh minh họa bài tập đọc trong sách giáo khoa, bảng phụ ghi nội dung bài học đoạn văn đọc diễn cảm, bút dạ màu.
- HS: SGK, đồ dùng học tập

C. PHƯƠNG PHÁP

- Các phương pháp : Trực quan, giảng giải, nêu vấn đề, vấn đáp, luyện tập thực hành.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

Nội dung – thời gian	Hoạt động dạy	Hoạt động học
I. Kiểm tra bài cũ (3 - 4 phút)	- Gọi 3 HS tiếp nối đọc bài “ Tranh làng hồ ”. - 1 HS nêu nội dung bài học	- 3 HS tiếp nối đọc bài. - 1 HS nêu : Ca ngợi và

<p>II. Dạy bài mới (30 – 32 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài (1 - 2 phút)</p> <p>2. Nội dung (28 - 30 phút)</p> <p>a) Luyện</p>	<p>- Yêu cầu HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV : Treo tranh minh họa, yêu cầu HS quan sát và cho ? Tranh vẽ gì ?</p> <p>- GV : Đây là bức tranh rất đẹp về đất nước. Vậy để biết về đẹp đó được tác giả miêu tả như thế nào trong thơ. Chúng ta cùng vào bài học hôm nay.</p> <p>Tập đọc : Đất nước (94).</p> <p>- GV ghi đầu bài, yêu cầu HS nhắc lại đầu bài.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc bài thơ, cả lớp nghe. - Đọc nối tiếp bài thơ lần 1 + Gọi 5 HS tiếp nối đọc bài + GV chú ý lắng nghe, chỉnh sửa lỗi phát âm cho HS. (GV ghi những từ HS thường phát âm sai lên bảng như: Chớm lạnh, hơi may, ngoảnh lại, rừng tre, pháp phới,...)</p>	<p>biết ơn những nghệ sĩ làng Hồ đã sáng tạo ra những bức tranh dân gian độc đáo.</p> <p>- 1 HS nhận xét. - HS quan sát trả lời :</p> <p>- Phong cảnh đất nước</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- 1- 2 HS nhắc lại, ghi bài vào vở - 1 HS đọc bài, cả lớp nghe.</p> <p>+ 5 HS đọc bài.</p>
--	---	--

<p>đọc</p>	<p>+ Cho HS luyện đọc từ khó.</p> <p>- Gọi 5 HS đọc nối tiếp lần 2, cả lớp nghe.</p> <p>- Y/c HS đọc thầm phần chú giải và cho biết:</p> <p>? Thế nào là hơi may ?</p> <p>? Chưa bao giờ khuất có nghĩa là gì ?</p> <p>- Hướng dẫn học sinh đọc 2 khổ thơ đầu:</p> <p>Sáng mát trong/ như sáng năm xưa Gió thổi mùa thu/ hương cốm mới Tôi nhớ/ những ngày thu/ đã xa. Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội Những phố dài/ xao xác hơi may Người ra đi/ đầu không ngoảnh lại Sau lưng/ thêm nắng/ lá rơi đầy.</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp</p> <p>- Gọi HS đọc bài trước lớp.</p> <p>- GV : Các em đã được nghe các bạn đọc bài, bây giờ cô sẽ đọc mẫu, cả lớp chú ý lắng nghe.</p> <p>- GV : Các em vừa được luyện đọc, để biết nội dung của bài chúng ta cùng đi tìm hiểu bài.</p> <p>- Yêu cầu 1 HS đọc 2 khổ thơ đầu và</p>	<p>- 5 HS tiếp nối đọc bài, cả lớp nghe.</p> <p>- HS đọc thầm phần chú giải và trả lời:</p> <p>+ Hơi may : gió heo may.</p> <p>+ Chưa bao giờ chịu khuất phục.</p> <p>- HS luyện đọc</p>
------------	---	--

<p>b) Tìm hiểu bài</p>	<p>trả lời câu hỏi 1.</p> <p>? Em hiểu “những ngày thu đã xa” là những ngày thu như thế nào?</p> <p>? Những ngày thu đã xa được tả trong hai khổ thơ đầu đẹp mà buồn. Em hãy tìm những từ ngữ nói lên điều đó.</p> <p>- Y/c HS nhận xét</p> <p>? Em hãy cho biết câu thơ nào trong khổ thơ 1, 2 mang hình ảnh đặc sắc diễn tả tâm trạng lưu luyến của người dân thủ đô không muốn rời xa Hà Nội?</p> <p>- Y/c HS đọc thầm khổ thơ 3, thảo luận trả lời câu hỏi:</p> <p>? Cảnh đất nước trong mùa thu mới được tả trong khổ thơ thứ ba đẹp như thế nào?</p> <p>? Tác giả đã dùng biện pháp gì để tả thiên nhiên, đất trời trong mùa thu</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm.</p> <p>- 1 HS đọc bài trước lớp.</p> <p>- HS nghe.</p> <p>- 1HS đọc bài, cả lớp nghe.</p> <p>- Là mùa thu năm 1946, những người con Hà Nội phải rời thủ đô đi kháng chiến.</p> <p>- Những từ ngữ thể hiện “Những ngày thu đã xa”</p> <p>+ Đẹp: Sáng mát trong, gió thổi mùa thu hương cốm mới.</p> <p>+ Buồn: Sáng chớm lạnh, những phố dài, xao xác, người ra đi đầu không ngoảnh lại.</p>
------------------------	--	---

	<p>thắng lợi của kháng chiến?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c đại diện các r áo cáo - Y/c HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, tổng kết: Tác giả đã sử dụng biện pháp nhân hóa để thể hiện niềm vui phơi phới, rộn ràng của thiên nhiên đất trời trong mùa thu mới của cuộc kháng chiến. - Y/c 1 HS đọc thành tiếng khổ thơ 4,5 <p>? Lòng tự hào về đất nước tự do của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ thứ tư?</p> <p>? Lòng tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ thơ cuối?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét và giảng: Các điệp từ, điệp ngữ được lặp lại có tác dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - Câu thơ: Người ra đi đầu không ngoảnh lại, Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy. <p>+ Mùa thu mới vừa đẹp vừa vui: rừng tre phấp phới, trời thu thay áo mới, trong biếc, nói cười.</p> <p>+ Tác giả sử dụng biện pháp nhân hoá làm cho trời cũng biết thay áo, cũng nói cười như con người để thể hiện niềm vui phơi phới, rộn ràng của thiên nhiên, đất trời trong mùa thu thắng lợi của cuộc kháng chiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm báo cáo - HS nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe
--	--	--

	<p>nhấn mạnh niềm tự hào, hạnh phúc về đất nước được tự do đã thuộc về ta. Các từ ngữ thể hiện lòng tự hào về truyền thống bất khuất như lời của cha ông từ nghìn năm lịch sử vọng về nhắn nhủ con cháu về những người anh hùng chưa bao giờ khuất phục, những người bất tử sống mãi với thời gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vây qua tìm hiểu bài thơ, các em hãy thảo luận nhóm đôi và nêu lên nội dung của bài. - Yêu cầu HS báo cáo - Yêu cầu HS nhận xét. - GV nhận xét và treo bảng phụ ghi nội dung bài : Bài thơ thể hiện niềm vui và tự hào về một đất nước tự do, tình yêu tha thiết của tác giả đối với đất nước, với truyền thống bất khuất của dân tộc. - Yêu cầu HS nhắc lại -GV đọc diễn cảm toàn bài <p>? Bài thơ này ta cần đọc với giọng thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và nêu giọng đọc: Đối với bài này cần đọc với giọng thể 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS đọc thành tiếng, cả lớp theo dõi + Lòng tự hào về đất nước được tự do thể hiện qua điệp từ, điệp ngữ: đây, của chúng ta. + Lòng tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc ta được biểu hiện qua những từ ngữ: chưa bao khuất, rì rầm trong tiếng đất, vọng nói về. - HS nhận xét, bổ sung - HS nghe
--	--	--

<p>c) Luyện đọc diễn cảm và học</p>	<p>hiện cảm xúc ở từng khổ thơ :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khổ thơ 1, 2: giọng tha thiết, bâng khuâng. + Khổ thơ 3, 4: nhịp nhanh hơn, khỏe khoắn, tràn đầy tự hào. + Khổ 5: giọng chậm rãi, trầm lắng chứa chan tình cảm, sự thành kính. <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 5 HS nối tiếp đọc lại bài thơ. - Y/c HS nhận xét các bạn đọc - GV: Đề đọc tốt hơn, hay hơn cô sẽ hướng dẫn các em đọc diễn cảm 2 khổ thơ trong bài. - GV treo bảng phụ ghi 2 khổ thơ cần luyện đọc diễn cảm : - GV đọc mẫu <p>? Trong hai khổ thơ, khi đọc cần nhấn giọng những từ nào, ngắt nghỉ hơi ra sao?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - Đại diện các nhóm báo cáo - Các nhóm nhận xét - 2 HS nhắc lại - HS trả lời - HS lắng nghe
-------------------------------------	--	--

<p>thuộc lòng bài thơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS luyện đọc diễn cảm theo cặp - Y/c đại diện của 3 dãy thi đọc diễn cảm - Y/c HS nhận xét - GV, nhận xét - Y/c HS đọc thuộc lòng 2 khổ thơ vừa luyện đọc diễn cảm - Gọi HS đọc thuộc lòng 2 khổ thơ - Gọi HS đọc thuộc lòng cả bài thơ - GV nhận xét - GV nhận xét tiết học, tuyên dương những HS tích cực - Dặn HS về nhà học bài, luyện đọc thêm và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - 5 HS nối tiếp đọc bài. - HS nhận xét - HS lắng nghe - HS trả lời cách nhấn giọng và ngắt giọng như sau: <p>Mùa thu nay/ khác rồi Tôi đứng vui nghe/ giữa núi đồi Gió thổi rừng tre/ phấp phới Trời thu/ thay áo mới Trong biếc/ nói cười thiết tha //</p> <p>Trời xanh đây/ là của chúng ta Núi rừng đây/ là của chúng ta</p>
-------------------------------	---	--

<p>III. Củng cố, dặn dò (1- 2 phút)</p>		<p>Những cánh đồng/ thơm mát</p> <p>Những ngã đường/ bát ngát</p> <p>Những dòng sông/ đỏ nặng phù sa.//</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc - 3 HS thi đọc diễn cảm - HS nhận xét - HS đọc thuộc lòng 2 khổ thơ - 1- 2 HS đọc thuộc lòng - 1- 2 HS đọc
--	--	---

PHỤ LỤC 8
THIẾT KẾ GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

Tập đọc

Bài 57: MỘT VỤ ĐẮM TÀU

(theo A-mi-xi)

A. Mục đích yêu cầu

- Đọc đúng, trôi chảy, diễn cảm toàn bài, đọc đúng các từ phiên âm nước ngoài: Li-vơ-pun, Ma-ri-ô, Giu-li-et-ta, đọc đúng những từ hay lẫn: bao lon, khủng khiếp, hỗn loạn,...
- Giải nghĩa các từ: bao lon, bàng hoàng, sững sờ...
- Hiểu ý nghĩa: câu chuyện ca ngợi tình bạn đẹp của Ma-ri-ô và Giu- li- ét- ta; sự ân cần, dịu dàng của Giu- li- ét- ta; đức tính hi sinh cao thượng của Ma-ri-ô. (trả lời các câu hỏi trong bài)
- Biết đọc diễn cảm bài văn.
- Yêu thích môn học, H/s tích cực vận dụng vào thực tế.

*** GD kĩ năng sống:**

- Tự nhận thức (nhận thức về mình, về phẩm chất cao thượng).
- Giao tiếp, ứng xử phù hợp.
- Kiểm soát cảm xúc.
- Ra quyết định.

B. Đồ dùng dạy học

1. G/V: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK
2. H/s: Đồ dùng học tập

C. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
I. Kiểm tra bài cũ (3')	
II. Bài mới	

<p>1. Giới thiệu bài (1')</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời Tranh vẽ gì? - Gv giới thiệu chúng ta học chủ điểm Nam- nữ, mở đầu là bài Một vụ đắm tàu. <p>2. Hướng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài</p> <p>a) Luyện đọc (10')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv đọc mẫu toàn bài - GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ phiên âm nước ngoài: Li-vơ-pun, Ma-ri-ô, Giu-li-et-ta - G/V chia đoạn: 5 đoạn - Gọi 5 H/s đọc nối tiếp đoạn lần 1, G/V kết hợp sửa lỗi phát âm - H/s luyện đọc nối tiếp lần 2, G/v cùng học sinh giải nghĩa từ khó trong bài: bao lon, bàng hoàng, sững sờ + bao lon: là phần sàn tàu có lan can bao quanh. (Gv cho HS xem tranh 1 con tàu và chỉ cho HS phần gọi là bao lon) + Bàng hoàng: Gv miêu tả tâm trạng bàng hoàng là ngẩn người ra, choáng váng đến mức như không còn ý thức được gì. + sững sờ: là trạng thái lặng người đi vì ngạc nhiên hay xúc động. Yêu cầu HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh và trả lời. - cả lớp nghe. - H/s quan sát tranh minh hoạ - HS đọc - H/s dùng bút chì đánh dấu đoạn - 5 H/s đọc nối tiếp lần 1 và kết hợp luyện phát âm - 5 H/s đọc nối tiếp lần 2, kết hợp tìm hiểu giải nghĩa từ khó
--	---

<p>đặt câu với từ sững sờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - G/V đọc câu văn dài: Trên chiếc tàu thủy rời cảng Li-vơ-pun hôm ấy/ có một cậu bé tên là Ma-ri-ô, khoảng 12 tuổi. - Luyện đọc theo cặp - Gọi H/s đọc lại toàn bài <p>b) Tìm hiểu bài (12’)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma -ri-ô và Giu -li-ét-ta. + Chi tiết Ma-ri-ô không kể gì về cậu mặc dù bố cậu mới mất thể hiện cậu là một người thế nào? + Tâm trạng vui mừng của Giu-li-ét-TA vì sắp được gặp lại bố mẹ thể hiện tính cách gì của cô bé? + Chuyện gì đã xảy ra khi Ma-ri-ô định chúc bạn ngủ ngon? + Giu-li-ét-ta chăm sóc Ma -ri-ô như thế nào khi bạn bị thương? + Tai nạn bất ngờ xảy ra như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và phát hiện chỗ ngắt giọng. - Luyện đọc câu khó. - H/s đọc theo cặp. - H/s đọc lại toàn bài văn + Ma-ri-ô: bố mới mất, về quê sống với họ hàng, còn Giu -li-ét-ta đang trên đường về nhà gặp lại bố mẹ. + Cậu bé là một chàng trai rất kín đáo. + Cô bé rất hồn nhiên + Một ngọn sóng ập tới, xô cậu ngã dúi. + Thấy Ma -ri-ô bị sóng lớn ập tới, xô cậu ngã dúi, Giu-li-ét-ta hoảng hốt chạy lại, quỳ xuống bên bạn, lau máu trên trán bạn, dịu dàng gỡ chiếc khăn đỏ trên mái tóc để băng vết thương cho bạn.
--	--

<p>+ Thái độ của Giu-li-ét-ta như thế nào khi người trên xuống muốn nhận đứa nhỏ hơn là Ma-ri-ô?</p> <p>+ Lúc đó Ma-ri-ô đã phản ứng thế nào?</p> <p>+ Quyết định nhường bạn xuống xuống cứu nạn của Ma-ri-ô nói lên điều gì về cậu?</p> <p>+ Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong chuyện.</p> <p>+ Câu chuyện ca ngợi điều gì?</p> <p>- G/v ghi nội dung</p> <p>+ Qua bài em học được đức tính gì của các nhân vật trong chuyện?</p> <p>c) Đọc diễn cảm 10')</p> <p>- G/v đọc diễn cảm lại toàn bài chọn đoạn 5 đọc diễn cảm</p> <p>- Treo bảng phụ viết đoạn 5</p> <p>- Hướng dẫn H/s tìm ra cách đọc</p> <p>- Yêu cầu H/s luyện đọc</p> <p>- Gọi H/s thi đọc phân vai đoạn 5</p> <p>- G/v nhận xét</p>	<p>+ Con bão dữ dội ập tới, sóng lớn phá thủng thân tàu, nước phun vào khoang, con tàu chìm dần giữa biển khơi...</p> <p>+ Sững sờ tuyệt vọng</p> <p>+ Ma-ri-ô quyết định nhường chỗ cho bạn.</p> <p>Cậu hét to: Giu-li-ét-ta, xuống đi...nói rồi cậu ôm ngang lưng bạn ném xuống nước.</p> <p>+ Ma-ri-ô có tâm hồn cao thượng, nhường sự sống cho bạn, hi sinh bản thân vì bạn</p> <p>- H/s phát biểu ý kiến.</p> <p>- Ca ngợi tình bạn giữa hai bạn nhỏ; sự ân cần, dịu dàng của Giu-li-ét-ta; đức hi sinh cao thượng của Ma-ri-ô.</p>
---	--

<p>*. Củng cố bài. (2')</p> <ul style="list-style-type: none">- Gv chốt lại toàn bộ nội dung bài. <p>III. Nhận xét giờ học, dặn dò.(1')</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét tiết học- Dặn H/s đọc bài và chuẩn bị bài sau	<ul style="list-style-type: none">- H/s nêu cách đọc- H/s luyện đọc trong nhóm- Hai nhóm thi đọc phân vai <ul style="list-style-type: none">- 2 H/s nhắc lại nội dung- Lắng nghe.
---	---